

CÔNG TY TNHH HƯNG THỊNH FURNITURE



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG của dự án đầu tư

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ, ĐAN NHỰA GIẢ MÂY

Địa điểm: Lô AI-13, KCN Long Mỹ, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình
Định

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG
TY TNHH
HƯNG
THỊNH
FURNITURE

Digitally signed by CÔNG TY
TNHH HƯNG THỊNH
FURNITURE
DN: C=VN, L=BÌNH DƯƠNG,
CN=CÔNG TY TNHH HƯNG
THỊNH FURNITURE,
OID.0.9.2342.19200300.100.
1.1=MST:3702779833, E=
HOTRO@GMAIL.COM
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2025.03.11
14:07:36
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2024.3.0

Bình Định, tháng năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC CÁC HÌNH	vii
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
1.1. Tên chủ dự án đầu tư:	1
1.2. Tên dự án đầu tư:	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư.....	2
1.3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	2
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	3
1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:	4
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:.....	4
1.4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu của dự án	4
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện của dự án	9
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước của dự án.....	10
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:.....	12
1.5.1. Vị trí thực hiện dự án.....	12
1.5.2. Hiện trạng sử dụng đất của dự án	13
1.5.3. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan của dự án	14
1.5.4. Quy hoạch sử dụng đất của dự án.....	15
1.5.5. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án.....	16
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	18
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	18
2.1.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.....	18
2.1.2. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	19
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	20
CHƯƠNG III ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	23
3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật	23
3.1.2. Thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án	23
3.1.3. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường bị tác động của dự án	23
3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	23
3.2.1. Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn tiếp nhận nước thải	23
3.2.1. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải	24

3.3.	Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện Dự án	25
CHƯƠNG IV		27
ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....		27
4.1.	Đánh giá, dự báo tác động môi trường	27
4.2.	Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	27
4.2.1.	Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án	27
4.2.2.	Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành	37
4.3.	Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	55
4.3.1.	Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư	55
4.3.2.	Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường	56
4.3.3.	Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.....	56
CHƯƠNG V PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.....		57
CHƯƠNG VI NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG		58
6.1.	Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	58
6.1.1.	Nguồn phát sinh nước thải.....	58
6.1.2.	Lưu lượng xả tối đa.....	58
6.1.3.	Dòng nước thải	58
6.1.5.	Vị trí phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	59
6.2.	Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải.....	59
6.2.1.	Nguồn phát sinh bụi, khí thải.....	59
6.2.2.	Lưu lượng xả khí thải tối đa	59
6.2.3.	Dòng khí thải	60
6.2.4.	Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải.....	60
6.2.5.	Vị trí phương thức xả khí thải.....	61
6.3.	Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	62
6.3.1.	Nguồn phát sinh:.....	62
6.3.2.	Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung	62
6.3.3.	Vị trí phát sinh tiếng ồn	63
CHƯƠNG VII KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....		64
7.1.	Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	64
7.1.1.	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	64
7.1.2.	Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	65
7.2.	Chương trình quan trắc chất thải	68

7.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	68
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	69
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	71

DANH MỤC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BCT	: Bộ Công thương
BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
CTRCNTT	: Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
CHXHCN	: Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa
ENTEC	: Trung tâm Công nghệ Môi trường
KCN	: Khu công nghiệp
KPH	: Không phát hiện
NMXLNTTT	: Nhà máy xử lý nước thải tập trung
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCMT	: Tổng cục Môi trường
TCXD	: Tiêu chuẩn xây dựng
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Sản phẩm của Dự án	4
Bảng 1. 2. Thống kê nhu cầu nguyên liệu, vật liệu trong giai đoạn sửa chữa, xây dựng..	4
Bảng 1. 3. Số lượng máy móc, thiết bị dự kiến phục vụ thi công dự án	5
Bảng 1. 4. Nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất của dự án	6
Bảng 1. 5. Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến phục vụ hoạt động sản xuất của dự án .	7
Bảng 1. 6. Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn thi công xây dựng	10
Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn vận hành dự án.....	11
Bảng 1. 8. Tọa độ vị trí dự án.....	12
Bảng 1. 9. Bảng cơ cấu sử dụng đất hiện trạng của dự án	13
Bảng 1. 10. Bảng cơ cấu sử dụng đất của dự án.....	15
Bảng 1. 11. Bảng cơ cấu sử dụng đất chi tiết của dự án.....	15
Bảng 3. 1. Kết quả quan trắc môi trường của dự án.....	26
Bảng 4. 1. Khối lượng CTNH, chất thải kiểm soát phát sinh từ xây dựng	30
Bảng 4. 2. Các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án	39
Bảng 4. 3. Các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án	42
Bảng 4. 4. Các hạng mục công trình thoát nước mưa của dự án.....	43
Bảng 4. 5. Danh mục các thiết bị của hệ thống thu gom và xử lý bụi gỗ.....	46
Bảng 4. 6. Danh mục thiết bị của hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi.....	49
Bảng 4. 7. Khối lượng chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát	52
Bảng 4. 8. Tổng hợp các công trình BVMT của dự án	55
Bảng 4. 9. Kế hoạch tổ chức thực hiện và dự toán kinh phí các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường mới của dự án.....	56
Bảng 6. 1. Giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	58
Bảng 6. 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải 01-06.....	61
Bảng 6. 3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải 07-08.....	61
Bảng 6. 4. Vị trí tọa độ xả khí thải của dự án.....	61

Bảng 6. 5. Giá trị giới hạn tiếng ồn	62
Bảng 6. 6. Giá trị giới hạn tiếng rung	62
Bảng 7. 1. Kế hoạch dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở.....	64
Bảng 7. 2. Thời gian dự kiến lấy mẫu	65
Bảng 7. 3. Vị trí lấy mẫu khí thải của dự án.....	66

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. 1. Quy trình chế biến gỗ của nhà máy	3
Hình 1. 2. Vị trí dự án.....	12
Hình 4. 1. Sơ đồ mô hình bề tự hoại.....	38
Hình 4. 2. Quy trình xử lý nước thải	41
Hình 4. 3. Bể xử lý nước thải của dự án.....	43
Hình 4. 4. Sơ đồ thu gom bụi gỗ trong quá trình sản xuất của dự án.....	45
Hình 4. 5. Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom bụi gỗ	45
Hình 4. 7. Hệ thống xử lý bụi gỗ	47
Hình 4. 8. Hệ thống đường ống thu gom bụi gỗ.....	47
Hình 4. 9. Quy trình xử lý khí thải từ hoạt động phun sơn	49
Hình 4. 11. Hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi.....	50

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH HUNG THỊNH FURNITURE

- Địa chỉ trụ sở chính: 522/A tổ 4, Khu phố 3, phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: (Ông) Nguyễn Quang Trường

+ Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

+ Điện thoại: 0949669399

+ Sinh ngày: 13/8/1990

Quốc tịch: Việt Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp 3702779833 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/6/2019, thay đổi lần thứ 2 ngày 08/02/2023.

- Quyết định số 434/QĐ-BQL ngày 25/12/2023 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp cho Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

- Quyết định số 90/QĐ-BQL ngày 04/3/2025 của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng rút gọn tỷ lệ 1/500 Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây, địa điểm: Lô AI-13, Khu công nghiệp Long Mỹ.

1.2. Tên dự án đầu tư:

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ, ĐAN NHỰA GIẢ MÂY

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô AI-13, Khu công nghiệp Long Mỹ, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với mã số seri DG278733 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp cho Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture ngày 21 tháng 3 năm 2024.

+ Quyết định số 90/QĐ-BQL ngày 04/3/2025 của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng rút gọn tỷ lệ 1/500 Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây, địa điểm: Lô AI-13, Khu công nghiệp Long Mỹ.

- Quy mô của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022: Căn cứ theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 434/QĐ-BQL cấp lần đầu ngày 25/12/2023 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định thì tổng mức đầu tư của dự án là 24.000.000.000 (*Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ*) đồng, trong đó: vốn góp để thực hiện dự án là 9.000.000.000 (*Chín tỷ*) đồng và vốn huy động là 15.000.000.000 (*Mười lăm tỷ*) đồng, do đó, dự án thuộc dự án đầu tư nhóm C (dự án có tổng mức đầu tư nằm dưới 60 tỷ đồng) theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công năm 2019.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án đầu tư: loại hình sản xuất, kinh doanh của dự án là sản xuất đồ gỗ nội, ngoại thất không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 2 Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

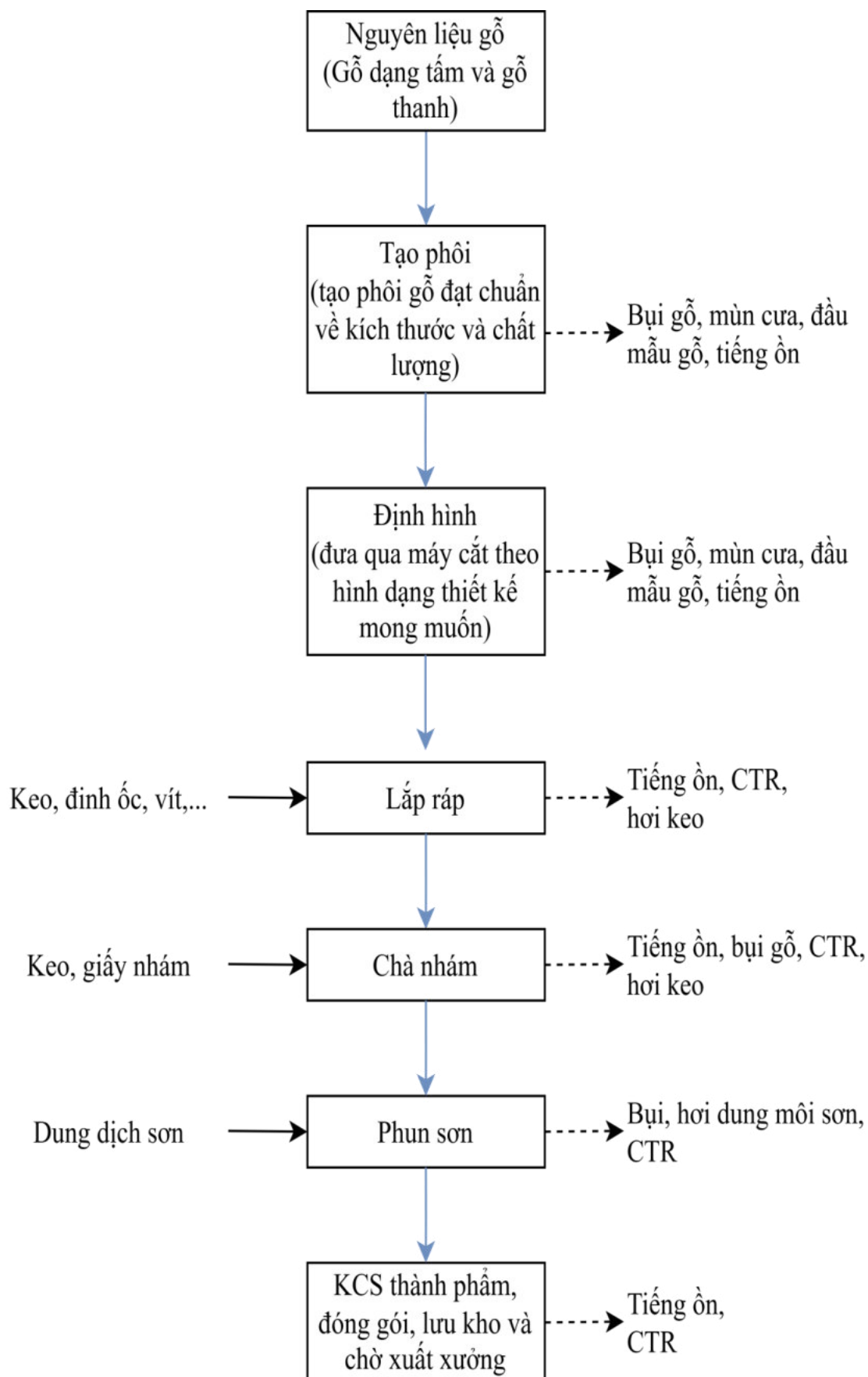
- Phân loại nhóm dự án đầu tư: Dự án thuộc dự án đầu tư nhóm III (dự án nhóm C có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và không có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025) theo quy định tại số thứ tự 2 mục II Phụ lục V Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

1.3.1. Công suất của dự án đầu tư

Dự án đã được Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp Quyết định số 434/QĐ-BQL ngày 25/12/2023 về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, theo đó mục tiêu của dự án là sản xuất đồ gỗ nội, ngoại thất với quy mô dự án là 500 m³ sản phẩm/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư



Hình 1. 1. Quy trình chế biến gỗ của nhà máy

Thuyết minh:

- Nguyên liệu gỗ: được đặt hàng và nhập về xưởng dưới dạng gỗ tấm và gỗ thanh
- Công đoạn tạo phôi: Gỗ sau khi nhập về xưởng sẽ được đánh giá chất lượng của phôi gỗ (kích thước, bề mặt, lỗi). Sau đó gỗ sẽ được phân loại sắp xếp gỗ theo loại gỗ, kích thước, hoặc mục đích sử dụng. Trong quá trình này nếu cần gỗ sẽ được chỉnh sửa (bào, cắt, làm sạch bề mặt). Cuối cùng sẽ đưa phôi gỗ đạt chuẩn sang các công đoạn tiếp theo.
- Công đoạn định hình: Sử dụng các hệ thống máy CNC, máy bào, máy khoan, máy chà nhám,... để gia công chi tiết, định hình, định vụ theo yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm.
- Công đoạn lắp ráp, chà nhám: các thanh gỗ chi tiết sẽ được lắp ghép lại với nhau thành mảng sản phẩm. Sử dụng giấy nhám và các dụng cụ cầm tay để làm sạch và tạo độ láng bề mặt chi tiết sản phẩm. Công đoạn này có sử dụng keo sữa để liên kết các chi tiết lại với nhau cho đạt độ vững. Sử dụng keo 502 mau khô để sửa chữa và tạo độ láng bề mặt chi tiết đạt yêu cầu.
- Công đoạn phun sơn: Chủ dự án sử dụng hệ thống dây chuyền treo để tạo màu cũng như tạo độ bóng, bảo vệ bề mặt cho sản phẩm. Sau khi phun sơn các sản phẩm là bàn, ghế, tủ gỗ,... sẽ được kiểm tra chất lượng, sản phẩm đạt chất lượng sẽ được đóng gói, chờ xuất xưởng. Các sản phẩm chưa đạt chất lượng được sửa chữa hoặc tái chế, loại bỏ.

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Bảng 1. 1. Sản phẩm của Dự án

Danh mục sản phẩm	Công suất
Đồ gỗ nội, ngoại thất	500 m ³ sản phẩm/năm

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

1.4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu của dự án

1.4.1.1. Trong quá trình thi công xây dựng

Trong quá trình thi công xây dựng mới các hạng mục công trình của dự án, lượng nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng được ước tính như sau:

Bảng 1. 2. Thống kê nhu cầu nguyên liệu, vật liệu trong giai đoạn sửa chữa, xây dựng

Stt	Tên nguyên vật liệu	Khối lượng (tấn)
1	Cát vàng hạt to	21,45

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Dự án “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây”*

Stt	Tên nguyên vật liệu	Khối lượng (tấn)
2	Cát vàng hạt nhỏ	4,89
3	Dây thép	0,035
4	Đá	39,88
5	Đinh các loại	0,12
6	Gạch thẻ	12,11
8	Que hàn	183,33
9	Thép các loại	11,8
10	Xi măng	8,361
Tổng		281,976

(Nguồn: Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture)

Số lượng thiết bị, máy móc phục vụ thi công dự án như sau:

Bảng 1. 3. Số lượng máy móc, thiết bị dự kiến phục vụ thi công dự án

Loại thiết bị	Số lượng dự kiến
Máy xúc – đào	1–2 máy
Xe ben 10 tấn	2-3 xe luân phiên
Xe trộn bê tông	2–3 xe
Cầu lắp / cầu tháo	1 cầu (thi công tầng cao)
Máy đầm dùi, đầm bàn	2–3 máy
Máy hàn, máy cắt sắt	2 bộ
Máy trộn bê tông phụ trợ (nhỏ)	1–2 máy

(Nguồn: Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture)

Nhu cầu nhiên liệu đối với các loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công dự án như sau:

STT	Loại thiết bị thi công	Công suất	Đơn vị tính	Số lượng	Dầu DO tiêu thụ ngày/1 thiết bị (lít) (*)	Dầu DO tiêu thụ (lít/ ngày)
1	Máy xúc -đào	0,5 m ³	Cái	1	51	51
2	Cầu lắp / cầu tháo	10 tấn	Cái	1	37	37

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Dự án “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây”*

STT	Loại thiết bị thi công	Công suất	Đơn vị tính	Số lượng	Dầu DO tiêu thụ ngày/1 thiết bị (lít) (*)	Dầu DO tiêu thụ (lít/ngày)
3	Ô tô chuyển trộn bê tông -	6 m ³	Xe	2	43	86
4	Xe ben	10 tấn	Xe	2	57	114
Tổng:						435

Ghi chú:

(*): Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình

1.4.1.2. Trong giai đoạn vận hành dự án

Trong giai vận hành dự án, nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất được ước tính như sau:

Bảng 1. 4. Nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất của dự án

TT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	LÓT MÀU HTQN 01	kg	210
2	CỨNG PU 0707L	kg	156
3	DUNG MÔI PU TXXT	kg	611
4	GLAZE BT 2904 H TRẮNG	kg	0
5	LÓT PU 0707	kg	223
6	CỨNG PU 0707L	kg	40
7	DUNG MÔI PU TXXT	kg	30
8	STAIN MÀU HTQN 01	kg	50
9	PHỤ GIA SP2	kg	17
10	BÓNG PU HXXT 10%	kg	415
11	CỨNG PU HXXT	kg	128
12	DUNG MÔI PU TXXT	kg	30
13	STAIN DẶM HTQN 01 A	kg	25

(Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture)

Lượng máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất của dự án như sau:

Bảng 1. 5. Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến phục vụ hoạt động sản xuất của dự án

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Xuất xứ
1	Máy cưa cắt ngang tự động bằng hơi	01	Cái	2024	Đài Loan
2	Máy cưa cắt ngang đẩy tay	01	Cái	2024	Đài Loan
3	Máy cưa rong lưỡi dưới	02	Cái	2024	Đài Loan
4	Máy bào 4 mặt 5, 6 trục dao chiều rộng bàn : 18 -23 cm	01	Cái	2024	Trung Quốc
5	Máy bào 2 mặt lưỡi xoắn/ rộng 600	01	Cái	2024	Đài Loan
6	Máy bào 1 mặt lưỡi xoắn/ rộng 600 - Trục lưỡi cùng hệ ở trên	01	Cái	2024	Đài Loan
7	Máy ghép cao tần 4 bench thuỷ lực – lên/ xuống băng tải tự động Cao Phôi 80mm	01	Cái	2024	Đài Loan
8	Máy mộng dương 1 đầu - loại Cơ , du Phòng -mẫu	01	Cái	2024	Đài Loan
9	Máy làm mộng dương hai đầu CNC/ 2m/ có thể điều chỉnh xoay độ hạng nặng	01	Cái	2024	Trung Quốc
10	Máy cưa lọng / Hạng nặng	02	Cái	2024	Đài Loan
11	Máy Tụp 1 trục phải trục 30mm	01	Cái	2024	Đài Loan
12	Máy Tụp 2 trục, phải trục 30mm	01	Cái	2024	Đài Loan
13	Máy mộng âm CNC 4 đầu 2 bàn – 2.4m	01	Cái	2024	Trung Quốc
14	Máy khoan ngang cnc 2 đầu có trục Z Khoan & lac	01	Cái	2024	Trung Quốc

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Dự án “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây”*

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Xuất xứ
15	Máy mộng âm bàn – Cơ	01	Cái	2024	Đài Loan
16	Máy khoan gỗ đứng 1 mũi Xuất xứ	02	Cái	2024	Đài Loan
17	Khoan gỗ đứng 1 mũi gắn đầu nhiều mũi	01	Cái	2024	Đài Loan
18	Máy cắt 2 phay 2 đầu tự động liên tục	01	Cái	2024	Đài Loan
19	Máy cắt phay 2 đầu có trục sau- dài 2400mm	01	Cái	2024	Đài Loan
20	Máy cắt mộng đầu có phay	01	Cái	2024	Đài Loan
21	Máy cửa bàn trượt hạng nặng/xoay tự động 45 độ / Hiện thị Số	01	Cái	2024	Trung Quốc
22	Máy cửa cắt góc 45 độ MF350 2 lưỡi , Thước	01	Cái	2024	Đài Loan
23	Máy cắt 2 đầu có trục sau 1400mm, 1800mm	02	Cái	2024	Đài Loan
24	Máy router lưỡi dưới	01	Cái	2024	Đài Loan
25	Máy router lưỡi trên / Đập hơi	01	Cái	2024	Trung Quốc
26	Máy chà nhám đai , Sử dụng 2 bàn – 2 mặt – size lớn	01	Cái	2024	Trung Quốc
27	Máy chà nhám chổi 200 thủ công 2 trục trái phải	02	Cái	2025	Đài Loan
28	Máy chà nhám thùng 3 trục hạng nặng 900 cm	01	Cái	2024	Đài Loan
29	Máy chà nhám thùng 600, 3 trục hạng nặng	01	Cái	2024	Đài Loan

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Dự án “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây”*

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Xuất xứ
30	Máy mài dao hợp kim đa năng Chia chung SY-A6	01	Cái	2024	Đài Loan
31	Khoan ngang 6 mũi tự động thân gang	01	Cái	2024	Đài Loan
32	Máy cấy ốc ngang hoặc đứng tự động	01	Cái	2024	Đài Loan
33	Cảo lắp ráp Chữ A 2.4m	01	Cái	2024	Việt Nam
34	Nhám Trục Đứng	01	Cái	2024	Việt Nam
35	Bộ máy nén Khí 50hp Có Bộ Sấy	01	Cái	2024	Đài Loan
36	Tiện CNC Nạp Phôi Tự Động	01	Cái	2024	Trung Quốc
37	Máy ép cước	01	Cái	2024	Trung Quốc
38	Máy chuốt tròn 60mm 4 bộ dẫn phôi	01	Cái	2024	Đài Loan
39	Máy nhám chổi hai trục	01	Cái	2024	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture)

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện của dự án

Nguồn điện sử dụng cho dự án được cấp từ đường dây 22kV hiện hữu trên tuyến đường trục khu công nghiệp để cấp điện cho toàn dự án.

Tổng công suất cấp điện cho dự án là 560 kVA.

Trong giai đoạn xây dựng mới các hạng mục công trình của dự án, lượng điện tiêu thụ ước tính như sau:

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Dự án “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây”*

STT	Loại thiết bị thi công	Công suất	Đơn vị tính	Số lượng	Lượng điện tiêu thụ ngày/1 thiết bị (kWh) (*)	Lượng điện tiêu thụ cho 1 ca làm việc (kWh)
1	Máy trộn bê tông	100 lít	Cái	2	8	16
2	Máy cắt	5KW	Cái	2	10	20
3	Máy hàn	23 KW	Cái	2	48	96
Tổng:						132

Ghi chú:

(*): Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước của dự án

Nguồn nước sử dụng cho các hoạt động của dự án trong quá trình thi công xây dựng và trong giai đoạn vận hành dự án được lấy từ hệ thống cấp nước của Công ty CP Cấp nước Bình Định.

Trong quá trình thi công xây dựng dự án, nhu cầu sử dụng nước của dự án được ước tính như sau:

Bảng 1. 6. Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn thi công xây dựng

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng	Tiêu chuẩn cấp nước	Lượng nước sử dụng (m ³ /ngày)
1	Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị	30 người	80 (lít/người/ca) ⁽¹⁾	2,4
3	Nước rửa nguyên liệu, trộn bê tông, tưới ẩm vật liệu, vệ sinh máy móc thiết bị	-	1 (m3/ngày)	1
Tổng				3,4

Trong giai đoạn vận hành dự án, nhu cầu sử dụng nước phục vụ hoạt động sản xuất của dự án được ước tính như sau:

Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn vận hành dự án

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng	Tiêu chuẩn cấp nước	Lượng nước (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân viên	80 người	45 lít/người/ca với hệ số không điều hòa là 2,5	9	TCXD 13606:2023
2	Nước cấp hao hụt của máng nước cho hệ thống phun sơn	02 máng cấp nước của 02 hệ thống phun sơn có cùng kích thước: 4m×1,4m×0,5m (Bản vẽ hệ thống phun sơn tại phụ lục của báo cáo)	20% thể tích máng nước	1,12	Lượng nước cấp dùng cho hệ thống phun sơn được sử dụng tuần hoàn, hằng ngày bổ sung lượng nước hao hụt, ước tính khoảng 20% thể tích máng nước
3	Nước cấp cho hoạt động tưới cây xanh, sân bãi	Diện tích giao thông nội bộ, đất trống: 2.889,66m ²	4,5 lít/m ²	13	TCXD 13606:2023
	Tổng lượng nước cấp thường xuyên 01 ngày (không bao gồm nước dùng cho PCCC)			23,12	

Đối với nước cấp cho bể PCCC, lượng nước sẽ được tính toán cho 1 đám cháy xảy ra trong 3 giờ liên tục với lượng nước khoảng 20 lít/s theo TCVN 2622:1995 - tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - yêu cầu thiết kế. Vậy lượng nước cấp cho bể PCCC khoảng 360 m³.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

1.5.1. Vị trí thực hiện dự án

Dự án được thực hiện tại lô AI-13, KCN Long Mỹ, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, có diện tích 16.511m² (1,65ha), với giới cận cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp tuyến đường trục khu công nghiệp;
- + Phía Nam và phía Đông giáp dải cây xanh cách ly theo quy hoạch khu

công nghiệp;

- + Phía Tây giáp Lô AI-8;

Tọa độ vị trí dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. 8. Tọa độ vị trí dự án

Điểm	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
R1	1.518.736,770	595.689,530
R2	1.518.809,240	595.772,260
R3	1.518.696,300	575.871,110
R4	1.518.623,750	595.788,680
R1	1.518.736,770	595.689,530

Ghi chú: Tọa độ VN-2000; kinh tuyến trục 108,15; múi chiều 3 độ.



Hình 1. 2. Vị trí dự án

 Khoảng cách từ dự án đến các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội và các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án

Dự án được thực hiện tại Lô AI-13, KCN Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, do đó, tiếp giáp vị trí KCN là các lô đất được quy hoạch đất sản xuất của KCN xung quanh khu vực dự án là công ty sản xuất : Công ty Cổ phần Nước Khoáng Quy Nhơn (sản xuất nước uống, đồ uống) ; Nhà máy chế biến đá Granite Long Mỹ - Công ty Cổ phần Phú Tài,...; không gần các khu vực nhạy cảm về môi trường.

 Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật xung quanh khu vực dự án

Hệ thống giao thông đường bộ khu vực dự án thuận tiện, dễ dàng kết nối với quốc lộ 1A, cảng Quy Nhơn đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa, dịch vụ, thương mại, phát triển đô thị; thúc đẩy giao lưu kinh tế trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây của Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng và khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam. Cụ thể:

- Giáp đường sắt Bắc- Nam và Quốc lộ 19C, cách nhà ga Tân Vinh 500m về phía Đông Nam, hướng về Khu dân cư Tân Vinh.
- KCN nằm ven Quốc lộ 19C, đường sắt Bắc – Nam và Quy hoạch đường cao tốc Bắc – Nam, cạnh Khu kinh tế Nhơn Hội;
- Quốc lộ 1A: cách 10 Km;
- Ga Diêu Trì: cách 12 Km;
- Cảng quốc tế Quy Nhơn: cách 25 Km;
- Sân bay Phù Cát: cách 35 Km

Hạ tầng kết nối của khu dự án với hạ tầng kỹ thuật khác của KCN và khu vực đã được KCN đầu tư hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi khi Dự án đi vào hoạt động.

1.5.2. Hiện trạng sử dụng đất của dự án

Hiện trạng sử dụng đất của dự án được trình bày chi tiết như sau:

Bảng 1. 9. Bảng cơ cấu sử dụng đất hiện trạng của dự án

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
I	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	10.020,66	60,70 %
1	Nhà bảo vệ	12,25	
2	Nhà làm việc 1 + Kho + WC	173,4	

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Dự án “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây”*

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
3	Nhà làm việc 2	47,93	
4	Bể nước PCCC	101,18	
5	Xưởng sản xuất	8.965,00	
6	Nhà kho	612	
7	Bể nước PCCC	108,85	
8	Nhà vệ sinh	9,3	
9	Trạm biến áp	3	
II	Diện tích cây xanh, thảm cỏ	319,31	1,90%
III	Đất giao thông nội bộ, đất trống	6.171,03	37,40%
	TỔNG CỘNG (I + II + III)	16.511,00	100,00%

(Nguồn: Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture)

1.5.3. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan của dự án

Theo Quyết định số 90/QĐ-BQL ngày 04/3/2025 của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng rút gọn tỷ lệ 1/500 dự án “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây” tại Lô AI, Khu công nghiệp Long Mỹ, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan của dự án được mô tả như sau:

- Các khu nhà xưởng được bố trí trải dài từ Tây Bắc xuống Đông Nam theo dây chuyền sản xuất của dự án, gồm xưởng sản xuất 1 và xưởng sản xuất 2.
- Các công trình phụ trợ như hệ thống phòng máy nén, khu vệ sinh, kho sơn... được kết nối vào xưởng sản xuất 1, đảm bảo dây chuyền hoạt động hiệu quả. Khu xử lý nước thải, nhà chứa rác được bố trí phía Tây mặt bằng, đảm bảo khoảng cách với các khối văn phòng.
- Khu hành chính của nhà máy được bố trí phía Nam các xưởng sản xuất để đảm bảo thuận tiện về công năng sử dụng. Theo đó, Khối văn phòng được tổ chức phía Đông Nam dự án cùng với khu nhà xe ô tô và khối nhà ăn, hướng ra mặt tiền đường N để tạo thuận lợi cho việc giao dịch, kinh doanh. Khối nhà ăn được bố trí trong khu vực trung tâm, phía trước và phía sau bố trí các dải cây xanh để dễ dàng phục vụ cho công nhân viên nhà máy, đồng thời tận dụng không gian xanh để tạo điểm nhìn từ các phòng ăn và cách ly với các xưởng sản xuất.
- Khu lõi cây xanh của Nhà máy được tổ chức ở khu vực phía Nam dự án, tại

đây tổ chức các khu công viên xanh tập trung để cải thiện môi trường vi khí hậu của nhà máy, cũng như tạo cảnh quan từ trục đường N của Khu công nghiệp.

1.5.4. Quy hoạch sử dụng đất của dự án

Theo Quyết định số 90/QĐ-BQL ngày 04/3/2025 của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng rút gọn tỷ lệ 1/500 dự án “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây” tại Lô AI, Khu công nghiệp Long Mỹ, quy hoạch sử dụng đất của dự án được trình bày như sau:

Bảng 1. 10. Bảng cơ cấu sử dụng đất của dự án

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	10.117,86	61,3
2	Đất cây xanh	3.302,37	20,0
3	Đất giao thông, sân bãi	3.090,77	18,7
Tổng diện tích		16.511,00	100,0

(Nguồn: Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture)

Bảng 1. 11. Bảng cơ cấu sử dụng đất chi tiết của dự án

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m ²)	SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH SÀN (m ²)	TỶ LỆ (%)
I	Đất xây dựng công trình	10.117,86	1-3	10.867,86	61,3%
1	Nhà bảo vệ (ht giữ nguyên)	12,25	1	12,25	0,1%
2	Nhà làm việc + trưng bày sản phẩm (xd mới)	375	3	1125	2,3%
3	Bể xử lý nước thải (xd mới)	28	1	28	0,2%
4	Xưởng sản xuất (ht giữ nguyên)	8965	1	8965	54,3%
5	Trạm biến áp (ht giữ nguyên)	3	1	3	0,0%
6	Bể nước pccc (ht giữ nguyên)	108,85	1	108,85	0,7%
7	Bể nước pccc (xd mới)	55	1	55	0,3%
8	Nhà kho (tháo dỡ 1 phần)	478,82	1	478,82	2,9%
9	Nhà vệ sinh (xd mới)	67,94	1	67,94	0,4%

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Dự án “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây”*

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m ²)	SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH SÀN (m ²)	TỶ LỆ (%)
10	Nhà chứa ctr + ctnh (xd mới)	24	1	24	0,1%
II	Diện tích cây xanh, thảm cỏ	3.302,37	-		20,00%
III	Đất giao thông nội bộ, đất trống	3.090,77	-		18,7%
11	Bãi dầm báo	86,96	-		
12	Bãi gô vụn	114,15	-		
13	Giao thông nội bộ đất trống	2.889,66			
	Tổng cộng (i+ii+iii)	16.511	-		100,00%

(Nguồn: Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture)

(Mặt bằng tổng thể của dự án được thể hiện tại bản vẽ quy hoạch sử dụng đất tại phụ lục kèm theo báo cáo này).

1.5.5. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Tiến độ dự án

Quyết định số 434/QĐ-BQL ngày 25/12/2023 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp cho Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, tiến độ thực hiện dự án như sau:

- Tháng 12/2023 đến tháng 4/2024: thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định.
- Tháng 5/2024 đến tháng 12/2024: sửa chữa, xây dựng; mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị và đưa dự án đi vào hoạt động.

Nguồn vốn dự án:

Quyết định số 434/QĐ-BQL ngày 25/12/2023 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp cho Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, tổng mức đầu tư của dự án là 24.000.000.000 đồng (Bằng chữ: hai mươi bốn tỷ đồng). Trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: chín tỷ đồng);
- Vốn huy động: 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: mười lăm tỷ đồng);

Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Chủ đầu tư - trực tiếp quản lý và thực hiện dự án từ giai đoạn thi công xây dựng đến khi dự án đi vào hoạt động.

- Chịu trách nhiệm quản lý cao nhất trong giai đoạn hoạt động của Nhà máy là ban giám đốc Công ty
- Tổng số lao động của Nhà máy khi đi vào hoạt động chính thức, ổn định là khoảng 80 người.
- Các cán bộ, công nhân làm việc tại nhà máy đều được tuyển dụng theo một quy trình nghiêm ngặt: cán bộ phải có trình độ đại học trở lên và đúng chuyên ngành; công nhân và lao động khác phải tốt nghiệp xong phổ thông trung học, có sức khỏe và phải trải qua lớp tập huấn nghề trước khi bắt đầu công việc. Chủ đầu tư sẽ ưu tiên thuê lao động tại địa phương.
- Khi Dự án đi vào hoạt động, Nhà máy sẽ thành lập bộ phận quản lý môi trường và có ít nhất 01 người được đào tạo về chuyên ngành môi trường từ bậc học cao đẳng trở lên thuộc bộ phận kế hoạch kinh doanh. Cán bộ quản lý môi trường có nhiệm vụ giám sát vệ sinh môi trường, ATLĐ, nhắc nhở công nhân thực hiện các quy định về vệ sinh môi trường trong thời gian làm việc tại nhà cũng như công tác vận hành, theo dõi, giám sát công trình xử lý nước thải tập trung.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

2.1.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Theo quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có thể hiện mục tiêu tổng quát là: Chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của Nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Dự án được đầu tư xây dựng các hạng mục bảo vệ môi trường tương ứng cho từng loại chất thải phát sinh, đảm bảo xử lý triệt để toàn bộ các loại chất thải phát sinh theo đúng quy định trong suốt quá trình hoạt động. Dự án sẽ nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa nguồn gây ô nhiễm môi trường, kiểm soát nguồn ô nhiễm phát sinh, đồng thời áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo phù hợp với chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia.

Theo Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có thể hiện mục tiêu tổng quát là: Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước. Dự án được đầu tư xây dựng các hạng mục bảo

vệ môi trường tương ứng cho từng loại chất thải phát sinh, đảm bảo xử lý triệt để toàn bộ các loại chất thải phát sinh theo đúng quy định trong suốt quá trình hoạt động. Dự án sẽ nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa nguồn gây ô nhiễm môi trường, kiểm soát nguồn ô nhiễm phát sinh, đồng thời áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo phù hợp với chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia.

Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021-2025 có thể hiện mục tiêu cụ thể gồm kiểm soát tốt các nguồn khí thải công nghiệp thuộc đối tượng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, đảm bảo các dự án sản xuất công nghiệp kiểm soát, xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Hoạt động của dự án có phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện giao thông,.... Trong quá trình hoạt động sản xuất chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu và kiểm soát các nguồn khí thải này phát sinh tại dự án đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành và Giấy phép môi trường được cấp.

Quyết định số 2149/QĐ-TTG ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 có thể hiện Quản lý chất thải rắn phải được thực hiện theo phương thức tổng hợp, nhằm phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải tại nguồn là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu, tăng cường tái sử dụng, tái chế để giảm khối lượng chất thải phải chôn lấp. Chủ dự án xây dựng quy trình quản lý CTR, tiến hành thu gom phân loại CTR tại nguồn (CTR sinh hoạt, CTR sản xuất, CTNH (phân loại theo từng mã CTNH phát sinh, lưu chứa riêng biệt)) và ký hợp đồng thu gom với các đơn vị chức năng theo đúng quy định đảm bảo phù hợp với Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn.

2.1.2. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Vị trí thực hiện dự án “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây” nằm tại Lô AI-13, KCN Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã được Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định chấp chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với chủ dự án Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture tại quyết định số 434/QĐ-BQL ngày 25/12/2023. Dự án cũng đã được Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định phê duyệt Đề án Quy hoạch chi tiết xây dựng rút gọn tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 90/QĐ-BQL ngày 04/3/2025.

Ngành nghề sản xuất của dự án là chế biến gỗ và đan nhựa giả mây, phù hợp ngành

nghe trong hồ sơ môi trường đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của KCN Long Mỹ tại quyết định số 1111/QĐ-BTNMT ngày 13/5/2015.

Do đó, vị trí thực hiện dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch của KCN Long Mỹ.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành Dự án được Chủ dự án đầu nối vào hệ thống thoát nước chung KCN, đầu nối về Trạm xử lý nước thải KCN để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

➤ Hiện trạng KCN Long Mỹ

KCN Long Mỹ (giai đoạn I) được thành lập theo Quyết định số 508/QĐ-UB ngày 08/7/2004 của UBND tỉnh Bình Định. Ngày 28/4/2014, UBND tỉnh Bình Định Quyết định số 1265/QĐ-UBND về phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2.000 KCN Long Mỹ, với tổng diện tích KCN Long Mỹ sau khi điều chỉnh là 117,67 ha.

KCN Long Mỹ đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với phần diện tích 100ha và được Bộ TNMT phê duyệt Báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1480/QĐ-BTNMT ngày 27/10/2004. Năm 2015 KCN Long Mỹ được phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của KCN Long Mỹ số 1111/QĐ-BTNMT ngày 13/5/2015 của Bộ TNMT.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định là Chủ dự án KCN Long Mỹ. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là cho thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN. Hiện nay, các hạng mục xây dựng kết cấu hạ tầng bao gồm đường nội bộ, hệ thống thoát mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh, ... đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh và đưa vào khai thác sử dụng.

- Các hạng mục phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong KCN:
 - + Xây dựng hệ thống đường nội bộ: đạt 100%
 - + Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa: đạt 100%
 - + Hệ thống thu gom nước thải công nghiệp: đạt 100%
 - + Trồng cây xanh: đạt 100%
- Các ngành nghề sản xuất kinh doanh trong KCN:

Hiện tại khu vực KCN Long Mỹ hiện có 39 dự án đầu tư, trong đó có 20 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó bao gồm các ngành nghề chế biến lâm sản, chế biến

đá granite, chế biến thức ăn gia súc, luyện cán thép, sản xuất phân bón, sản xuất năng lượng sinh khối (viên nén mùn cưa), chế biến nông sản, chế biến dăm gỗ, gia công cơ khí và đan nhựa giả mây. Các doanh nghiệp này đã xây dựng hoàn chỉnh với các hạng mục đúng theo bản vẽ quy hoạch tổng thể mặt bằng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Các hạng mục về bảo vệ môi trường:
 - + Đối với công tác bảo vệ môi trường trong KCN Long Mỹ (bao gồm phần diện tích đất điều chỉnh mục đích sử dụng và mở rộng), KCN đã tiến hành đánh giá chất lượng môi trường hàng năm.
 - + Công ty đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Long Mỹ kể cả phần diện tích điều chỉnh và mở rộng, toàn bộ nước thải của doanh nghiệp được thu gom và đưa về Hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài để xử lý theo chủ trương của UBND tỉnh Bình Định tại văn bản số 423/UB-CN ngày 21/02/2005.
 - + Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải, đảm bảo thoát nước tốt.
 - + Có đội vệ sinh KCN, thường xuyên quét dọn thu gom các loại bụi, rác trên các tuyến đường trong KCN bảo đảm sạch sẽ thông thoáng.
 - + Cây xanh được trồng hai bên đường và các đường vành đai đảm bảo tỷ lệ theo quy định.
 - + Đối với các doanh nghiệp trong KCN Long Mỹ, công tác bảo vệ môi trường được kiểm soát nghiêm ngặt bởi các đơn vị chức năng bao gồm BQL KKT, phòng cảnh sát môi trường Công an tỉnh. Cụ thể như sau:
- Đối với các hạng mục về bảo vệ môi trường không khí:
 - + Phương tiện vận chuyển hàng hóa ra vào nhà máy đều được che chắn cẩn thận, hạn chế thấp nhất lượng bụi phát tán.
 - + Tần suất xe vận chuyển ra vào nhà máy được lên kế hoạch thích hợp, khoa học nên lượng khói thải được hạn chế đến mức thấp nhất bao gồm bụi, SO₂, NO_x, CO, THC... là các sản phẩm cháy của nhiên liệu xăng, dầu diesel gây ảnh hưởng tác động tiêu cực đến môi trường.
- Đối với các hạng mục về bảo vệ môi trường đối với CTR:

- + Đối với CTR thông thường, Chủ dự án KCN và các doanh nghiệp tiến hành ký hợp đồng thu gom xử lý với Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quy Nhơn thu gom vận chuyển, xử lý tại bãi xử lý CTR của thành phố Quy Nhơn.
- + Đối với CTNH, các doanh nghiệp thực hiện việc thu gom, lưu trữ, xử lý CTNH theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TNMT.
- *Đối với các hạng mục về bảo vệ môi trường đối với nước thải:*
 - + Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải này chủ yếu chứa chất cặn bã, chất dinh dưỡng, chất lơ lửng, nước thải sinh hoạt chủ yếu được xử lý qua hệ thống bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung KCN Long Mỹ.
- Thỏa thuận đầu nối chuyển nước thải từ KCN Long Mỹ sang KCN Phú Tài:
 - + Theo chủ trương của UBND tỉnh Bình Định tại văn bản số 423/UB-CN ngày 21/02/2005 thì toàn bộ nước thải sẽ chuyển sang Trạm XLNT tập trung KCN Phú Tài để xử lý.
 - + Trạm XLNT tập trung của KCN Phú Tài được xây dựng với công suất 2.000 m³/ngày đêm đã được Bộ TNMT xác nhận tại Quyết định số 1112/QĐ-BTNMT ngày 13/5/2015 về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được UBND tỉnh Bình Định cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 51/GP-UBND ngày 21/9/2017.
 - + Hiện nay, KCN Phú Tài đang thực hiện lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.
 - + Trạm XLNT KCN Phú Tài có công suất 2.000 m³/ngày đêm đang tiếp nhận, xử lý nước thải của KCN Long Mỹ và KCN Phú Tài (số liệu năm 2022):
 - Lưu lượng nước thải từ KCN Long Mỹ: 70 – 75 m³/ngày đêm.
 - Lưu lượng nước thải từ KCN Phú Tài: 500 - 600 m³/ngày đêm.

Trạm XLNT tập trung KCN Phú Tài đang tiếp nhận khoảng 675 m³/ngày đêm, tương ứng 33,75% công suất thiết kế. Nhà máy đi vào hoạt động phát sinh lưu lượng nước thải tối đa là 1,08 m³/ngày đêm. Như vậy, trạm XLNT KCN Phú Tài hoàn toàn đủ khả năng tiếp nhận xử lý thêm nước thải của Nhà máy.

Chất lượng nước thải đầu nối từ KCN Long Mỹ sang KCN Phú Tài phải đáp ứng cột 1,5C theo Quyết định số 404/QĐ-ĐTXD ngày 13/4/2012 của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định.

CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

3.1.2. Thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án

- Dự án được thực hiện tại Lô AI-13, KCN Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Hiện trạng Khu Công Nghiệp đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh.
- Thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Môi trường không khí.

3.1.3. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường bị tác động của dự án

Hiện nay tại khu đất thực hiện dự án, có các hạng mục công trình hiện trạng do Công ty khác xây dựng trước đây như: Nhà bảo vệ, nhà làm việc 1, nhà làm việc 2, bể nước PCCC, xưởng sản xuất, nhà kho, nhà vệ sinh, trạm biến áp,... Chủ dự án sẽ sử dụng các hạng mục hiện trạng này và thực hiện cải tạo hiện trạng một số hạng mục như xưởng sản xuất, nhà kho, nhà bảo vệ, và xây dựng mới thêm một số hạng mục như nhà làm việc và trưng bày sản phẩm, Bể xử lý nước thải, bể chứa nước PCCC, nhà vệ sinh, nhà chứa chất thải rắn và nhà chứa chất thải nguy hại, lắp đặt máy móc thiết bị để phục vụ hoạt động sản xuất của dự án. Vì vậy tài nguyên sinh học hiện tại chủ yếu là các cây trồng bóng mát, thảm cỏ hiện trạng; động vật chỉ có các loại côn trùng, bò sát nhỏ, động vật gặm nhấm. Khu vực này cũng không có các loài động, thực vật quý hiếm cần được bảo vệ. Nhìn chung, do đặc điểm điều kiện tự nhiên nên tài nguyên sinh vật nơi đây tương đối nghèo, không phong phú. Do đó, việc đầu tư hoạt động dự án này xem như không gây ra tác động đến tài nguyên sinh học hiện có tại khu vực dự án.

3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

3.2.1. Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn tiếp nhận nước thải

Nước thải của dự án sẽ được dẫn vào hố ga thu gom nước thải của KCN Long Mỹ để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Tài. Nguồn tiếp nhận nước thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Tài là Sông Hà Thanh. Một số đặc điểm thủy văn của sông Hà Thanh như sau:

- Dòng chảy năm: Lưu vực sông Hà Thanh có lưu lượng bình quân năm là 21,4 m³/s và tổng lượng dòng chảy là 0,67 tỷ m³. Trong năm, dòng chảy phân bố không đều, lưu lượng mùa lũ chiếm 70 - 75%, lưu lượng mùa kiệt từ tháng I đến tháng IX chiếm 25-

30%. Lượng nước nhỏ nhất xảy ra vào hai thời kỳ tháng IV và tháng VII, VIII.

- Dòng chảy lũ:

+ Lũ tiểu mãn: vào các tháng V, VI có mưa tiểu mãn gây ra lũ tiểu mãn. Tính chất lũ này nhỏ, chủ yếu chảy trong lòng dẫn và thường là lũ có lợi vì nó mang một lượng nước đáng kể để phục vụ sản xuất hè thu.

+ Lũ sớm: Lũ xảy ra vào cuối tháng VIII đến tháng IX gọi là lũ sớm. Lũ sớm thường lớn hơn lũ tiểu mãn và có biên độ không lớn, lượng nước trong các sông suối còn ở mức thấp, lũ sớm thường là lũ đơn 1 đỉnh. Qua số liệu quan trắc cho thấy lũ sớm lớn nhất đạt 1100 m³/s tại xảy ra ngày 13/IX/2005 tại Bình Tường. Đây là thời kỳ lũ gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp vì trùng vào thời kỳ thu hoạch.

+ Lũ muộn: Lũ xảy ra vào tháng XII đến nửa đầu tháng 1 năm sau được coi là lũ muộn. Theo số liệu thực đo tại Bình Tường giá trị lũ muộn lớn nhất đo được là 3680 m³/s xảy ra ngày 3/XII/1999, 2860 m³/s, xảy ra ngày 3/XII/1986, 1830 m³/s, xảy ra ngày 11/XII/1998, 1550 m³/s xảy ra ngày 20/XII/1996. Lũ thời kỳ này ảnh hưởng đến thời vụ gieo trồng của sản xuất nông nghiệp.

+ Lũ lớn nhất trong năm chủ yếu tập trung vào tháng X và XI trùng với thời kỳ hoạt động của bão, ATNĐ trên biển Đông có ảnh hưởng đến vùng nghiên cứu kết hợp với các nhiễu động thời tiết khác. Bắt đầu vào các tháng này, các nhiễu động thời tiết trở nên mạnh mẽ, hoạt động của bão tăng lên, nhiễu động trực tiếp đổ bộ hoặc ảnh hưởng gián tiếp đến vùng gây nên những đợt mưa có cường độ lớn trên diện rộng. Đặc biệt bão tan thành áp thấp di chuyển lên phía Bắc gặp khối không khí lạnh tăng cường gây nên lượng mưa lớn toàn vùng.

- Chế độ triều: Thủy triều ở vùng nghiên cứu nằm trong chế độ triều từ Quảng Ngãi đến Nha Trang. Chế độ thủy triều chủ yếu là nhật triều không đều. Số ngày nhật triều trong tháng từ 17 đến 26 ngày, vào các ngày nước kém thường có thêm một cơn nước nhỏ trong ngày. Thời gian triều dâng thường lâu hơn thời gian triều rút 1 đến 2 giờ, điểm này thuận lợi cho việc lấy nước tưới nhưng cũng ảnh hưởng tới thời gian lũ rút và mặn vào sâu hơn. Thủy triều có ảnh hưởng lớn đến quá trình tiêu thoát lũ trong sông. Triều cường (độ cao mực nước biển lớn) sẽ làm giảm độ dốc mặt nước lũ vùng hạ lưu, do đó sẽ làm tốc độ dòng chảy lũ thoát ra biển bị giảm đi, làm tăng độ sâu ngập lụt và thời gian ngập kéo dài. Đặc biệt các lưu vực sông này đổ ra đầm Thị Nại, có sự điều tiết của đầm, do đó khi gặp triều cường thì khả năng thoát lũ khó khăn hơn, Ngược lại, khi lũ lớn xuất hiện vào thời kỳ triều kém mức độ nguy hiểm của dòng chảy lũ được giảm bớt một phần.

3.2.1. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải

Nước thải của dự án sẽ được xử lý sơ bộ đạt cấp độ 1,5C theo Quyết định số 404/QĐ-ĐTĐD ngày 13/4/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Long Mỹ rồi đưa về Trạm xử lý nước thải của KCN Phú Tài với quy mô công suất 2.000 m³ /ngày đêm để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cấp độ A, hệ số K_q = 0,9 và K_f = 1,0 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là Sông Hà Thanh. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Tài đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 327/GPMT-BTNMT ngày 08/9/2023 nên việc dự án đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN là hoàn toàn phù hợp.

3.3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện Dự án

Kết quả quan trắc môi trường của dự án được trình bày chi tiết như sau:

Bảng 3. 1. Kết quả quan trắc môi trường của dự án

STT	Vị trí quan trắc	Các thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc		QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
				13/6/2024	28/11/2024		
1	Khu vực phía Đông Bắc Chi nhánh Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture - KCN Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn, Bình Định.	Nhiệt độ	°C	32	27	-	-
2		Độ ẩm	%RH	64	81	-	-
3		Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	76	120	300	-
4		CO	µg/Nm ³	6.402	6.066	30.000	-
5		SO ₂	µg/Nm ³	64	57	350	-
6		NO ₂	µg/Nm ³	63	55	200	-
7		NH ₃	µg/Nm ³	<48 (LOD=48)	KPH	200	-
8		H ₂ S	µg/Nm ³	<4 (LOD=4,0)	KPH	42	-
9		Tiếng ồn	dBA	60	57	-	70

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật Quan trắc Môi trường)

Ghi chú: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Đánh giá: Theo kết quả quan trắc môi trường của dự án, nồng độ ô nhiễm môi trường không khí xung quanh khu vực dự án đều đạt theo QCVN 05:2023/BTNMT và kết quả đo tiếng ồn tại khu vực dự án đạt theo QCVN 26:2010/BTNMT. Từ đó cho thấy, hiện trạng chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực dự án là tương đối tốt.

CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

4.1. Đánh giá, dự báo tác động môi trường

Vì dự án thuộc nhóm III theo quy định tại số thứ tự 2 mục II Phụ lục V Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 nên trong báo cáo này không thực hiện đánh giá, dự báo tác động môi trường theo quy định tại phụ lục IX Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

4.2.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

Trong giai đoạn thi công xây dựng dự án, Chủ dự án thực hiện cải tạo hiện trạng một số hạng mục như xưởng sản xuất, nhà kho, nhà bảo vệ, và xây dựng mới thêm một số hạng mục như nhà làm việc và trưng bày sản phẩm, Bể xử lý nước thải, bể chứa nước PCCC, nhà vệ sinh, nhà chứa chất thải rắn và nhà chứa chất thải nguy hại, lắp đặt máy móc thiết bị để phục vụ hoạt động sản xuất của dự án.

4.2.1.1. Về nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

Với số lượng 30 công nhân trên công trường và lượng nước thải dự kiến phát sinh là 2,4 m³/ngày. Chủ dự án có phương án thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân như sau:

- Nhà thầu tuyển dụng công nhân trong khu vực, có điều kiện tự túc ăn ở nhằm giảm bớt lượng lao động lưu trú qua đêm. Qua đó, lượng nước thải sinh hoạt được giảm thiểu và hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường tại khu vực.

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của các công nhân thi công cải tạo nhà xưởng, lắp đặt máy móc, thiết bị: Công nhân sẽ sử dụng nhà vệ sinh sẵn có do Công ty khác xây dựng trước đây. Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Long Mỹ tại điểm đầu nối: hố ga phía Tây Bắc dự án, theo thỏa thuận thống nhất giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định và Chủ dự án.

b. Nước thải từ quá trình thi công xây dựng

Đặc trưng của loại nước thải xây dựng từ quá trình thi công là chứa nhiều cặn lơ lửng, các thông số ô nhiễm khác như BOD5, COD thấp, chứa dầu mỡ. Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Tuyên truyền, vận động công nhân thi công tại công trường có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, không vứt rác bừa bãi gây tắc nghẽn hệ thống cống rãnh, mương thoát nước tại khu vực.

- Đối với lượng nước thải phát sinh từ quá trình rửa máy móc và các dụng cụ thiết bị thi công, Chủ dự án sẽ yêu cầu công nhân rửa thiết bị trong thùng chứa nước để lắng cặn và dùng để đầm chặt đất tại công trình. Riêng đối với nước thải trong quá trình bảo dưỡng móng, để hạn chế lượng phát sinh Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công sử dụng lượng nước vừa đủ trong quá trình bảo dưỡng bê tông hạn chế nước thừa phát sinh.

- Ngoài ra, Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công hạn chế tối đa việc thi công trong thời điểm mưa để không phát sinh nước mưa chảy tràn mang theo các chất ô nhiễm gây ô nhiễm khu vực.

c. Nước mưa chảy tràn

Để kiểm soát nước mưa chảy tràn Chủ dự án sẽ yêu cầu nhà thầu thực hiện các biện pháp sau:

- Chủ dự án sẽ sử dụng hệ thống mương thu gom nước mưa đã được công ty khác xây dựng trước đây để thu gom nước mưa phát sinh tại mặt bằng nhà máy trong giai đoạn thi công cải tạo nhà xưởng, dẫn thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Long Mỹ tại 01 điểm đầu nối phía Đông dự án.

- Không tập trung vật tư gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước;

- Hạn chế dầu nhớt, xăng rơi vãi từ phương tiện sử dụng các loại nhiên liệu trên.

- Thu dọn vật liệu xây dựng rơi vãi sau mỗi ngày làm việc.

- Không để chất thải gần nguồn nước, không vứt rác bừa bãi xuống mương thoát nước mưa.

- Cần che chắn, phủ bạt các nguyên vật liệu kỹ lưỡng và có khu vực tập kết riêng. Bố trí nơi tập kết máy móc, thiết bị đảm bảo nhằm tránh hiện tượng rò rỉ dầu nhớt theo dòng nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước mặt.

- Yêu cầu công nhân bỏ rác vào các thùng chứa đúng chỗ, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.1.2. Về rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh bao gồm các loại bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác. Theo QCVN 01:2021/BXD lượng chất thải rắn sinh hoạt phát thải từ hoạt động của công nhân là 0,9 kg/người/ngày. Với số lượng công nhân thi công từ các nhà thầu xây dựng khoảng 30 người thì lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng là: 30 người x 0,9 kg/người/ngày = 27 kg/ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt chứa hơn 60% là thành phần hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học, do đó nếu không được thu gom và xử lý, dưới tác dụng của các vi sinh vật, các thành phần này sẽ phân hủy làm phát sinh mùi hôi, tạo điều kiện cho các côn trùng gây bệnh phát triển, gây ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân làm việc.

Để giảm lượng chất thải phát sinh trong khu vực công trường, Chủ Dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau đây:

- Chủ dự án sẽ mua 04 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt loại 120 lít đến 240 lít, có nắp đậy đặt tại những vị trí làm việc và khu nghỉ ngơi ăn uống của công nhân để thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ quá trình hoạt động của công nhân.

- Vì lượng rác thải sinh hoạt trong quá trình xây dựng không nhiều, xây dựng trong thời gian ngắn nên Chủ Dự án yêu cầu nhà thầu thu gom vào các thùng chứa CTR và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

b. Chất thải rắn xây dựng không nguy hại

Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công cải tạo nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị bao gồm: Gạch vỡ, ống nhựa, sắt thép vụn, bao bì, xà bần, gỗ cốp pha phế thải, ni lông,..; tổng lượng thải ra trong khu vực dự án khoảng 10 - 15 kg/ngày. Lượng chất thải này không nhiều do khối lượng xây dựng ít nhưng nếu không được thu gom, quản lý phù hợp sẽ gây tác động xấu đến môi trường cảnh quan khu vực. Do đó, Chủ dự án sẽ thực hiện quản lý chất thải rắn xây dựng như sau:

- Nhà thầu thi công sẽ sử dụng lại nhà kho đã được công ty khác xây dựng trước đó với diện tích là 612m² để tạm lưu chứa các thành phần chất thải rắn xây dựng (xà bần, cốt pha, bao bì, sắt vụn, ...) phát sinh.

- Các chất thải có thể tái sử dụng như bao bì giấy vụn, sắt vụn, ống nhựa, ... sẽ được thu gom, lưu chứa tại bãi tập kết chất thải xây dựng trên và định kỳ bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

- Đất, cát phát sinh trong quá trình đào hố móng bể nước PCCC; các mảnh gạch vỡ, cát, đá dư, ... được tận dụng, không vận chuyển đổ thải ra ngoài mặt bằng. Trường hợp cần vận chuyển ra ngoài để đổ, Chủ dự án sẽ báo cáo đơn vị cấp phép để hướng dẫn, xử lý theo quy định.

- Các loại chất thải khác không tái sử dụng được sẽ thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

c. Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại và chất thải phải được kiểm soát phát sinh từ hoạt động thi công cải tạo nhà xưởng, lắp đặt máy móc, thiết bị như các loại thùng đựng các hóa chất, phụ gia cho ngành xây dựng, dầu mỡ thải, ... với khối lượng phát sinh trong suốt thời gian xây dựng ước tính khoảng 46 kg.

Bảng 4. 1. Khối lượng CTNH, chất thải kiểm soát phát sinh từ xây dựng

TT	Tên chất thải	Trạng thái Rắn, lỏng, bùn)	Số lượng (Kg)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	01	16 01 06	NH
02	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	10	16 01 08	NH
03	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải (chứa hóa chất, phụ gia xây dựng)	Rắn	15	18 01 03	KS
04	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	10	18 02 01	KS
05	Cặn sơn, sơn hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/Lỏng	5	08 01 01	KS
06	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Rắn	5	07 04 01	KS
Tổng			46		

Chất thải nguy hại nêu trên nếu không được thu gom, lưu chứa, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định sẽ làm mất mỹ quan khu vực, gây vướng cho công nhân trong quá trình di chuyển dễ xảy ra tai nạn lao động, chứa yếu tố nguy hại nên thao tác không cẩn thận sẽ gây ra các tác động cháy, ăn mòn, ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân hoặc theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm đất, nước mặt, cản trở dòng chảy.

Với lượng chất thải nguy hại và chất thải phải được kiểm soát phát sinh từ hoạt động thi công, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu bố trí các thùng phi nhựa có nắp đậy để thu gom, lưu chứa các loại CTNH phát sinh, có dán ký hiệu nhận biết CTNH, dán mã số CTNH theo quy định và đặt trong nhà kho sẵn có đã được công ty khác xây dựng trước đó với diện tích là 612m² để tạm lưu chứa.

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển CTNH đi xử lý theo đúng quy định.

Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.2.1.3. Về bụi, khí thải

❖ Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động vận chuyển vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị để thi công lắp đặt

Bụi đường phát sinh trong quá trình này là không đáng kể vì các con đường dẫn vào khu vực đầu tư dự án đều được xây dựng hoàn thiện, được bê tông và trải nhựa đường cố định. Khi xe vận chuyển trong khuôn viên dự án đến vị trí lắp đặt máy móc thiết bị sẽ làm ảnh hưởng đến công nhân lao động tại dự án. Tùy theo mức độ ô nhiễm bụi và thời gian tiếp xúc bụi của người công nhân mà có thể có những tác hại như gây bệnh bụi phổi, các loại bệnh đường hô hấp (mũi, họng, khí quản, phế quản,...), các bệnh ngoài da (nhiễm trùng da, khô da,...), các loại bệnh về mắt. Do khối lượng thi công cải tạo, xây dựng mới không lớn và thời gian thi công tương đối ngắn (khoảng 03 tháng) nên nguồn gây ô nhiễm bụi từ phương tiện vận chuyển được đánh giá ô nhiễm thấp.

Khí thải của các động cơ xe vận chuyển máy móc, thiết bị thi công lắp đặt: khí thải sẽ thải ra môi trường một lượng khói thải chứa các chất ô nhiễm không khí, thành phần chủ yếu là CO₂, NO₂, SO₂, VOC, C_xH_y, THC, ... Tuy nhiên, các tác động này được xác định là tạm thời vì thời gian thi công tương đối ngắn.

Chủ dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng quy định của nhà sản xuất.
- Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ phương tiện vận tải.

- Nguồn cung cấp vật liệu xây dựng trong địa bàn thành phố Quy Nhơn nên quãng đường vận chuyển ngắn cũng hạn chế được ảnh hưởng.
- Lập phương án, tiến độ thi công xây dựng dự án, vận chuyển theo tuyến đường Quốc lộ 1A đến đường trục KCN Phú Tài rồi vào đường nội bộ đến dự án.
- Khi bốc xếp vật liệu xây dựng, công nhân sẽ được trang bị bảo hộ lao động để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi tới sức khỏe.
- Thùng xe chở vật liệu xây dựng đến công trường được che phủ kín để tránh gây ô nhiễm bụi dọc 02 bên tuyến đường vận chuyển.
- Các xe vận chuyển được yêu cầu tắt máy trong quá trình bốc dỡ, không chờ vượt quá tải trọng quy định của xe nhằm hạn chế bụi, khí thải.
- Thường xuyên quét dọn thu gom đất cát tại khu vực cổng ra vào và đoạn đường phía trước cổng để tránh cuốn bốc bụi do xe vận chuyển vào ra khu vực Dự án.
- Tưới nước khu vực cổng ra vào dự án (khu vực xe vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng) với tần suất 02 lần/ngày vào thời điểm 10h sáng và 14h30 chiều để giảm thiểu bụi ảnh hưởng.
- Trang bị các phương tiện bảo hộ cho công nhân khi làm việc trên công trường.

❖ Ô nhiễm bụi trong quá trình thi công xây dựng

Trong quá trình thi công xây dựng, bụi phát sinh từ quá trình đào, đầm móng, bốc dỡ, xây lắp chỉ gây tác động cục bộ, chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động tại chỗ.

Mức độ ô nhiễm từ các công trình xây dựng phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, cũng như phương pháp thi công. Nếu thời tiết khô, nắng, gió nhiều thì bụi sẽ sinh ra nhiều và phạm vi ảnh hưởng cũng lớn hơn là khi thời tiết ẩm.

Ngoài ra, khi xây dựng còn có bụi xi măng. Bụi xi măng có kích thước nằm trong khoảng từ 1,5 đến 100pm, những hạt bụi có kích thước nhỏ hơn 3pm gây tác hại đối với đường hô hấp do chúng dễ dàng theo đường thở vào tận màng phổi.

Tuy nhiên, khối lượng xây dựng dự án không lớn, các tác động này chỉ mang tính tạm thời trong thời gian thi công ngắn và sẽ chấm dứt khi Dự án đi vào hoạt.

Chủ dự án thực hiện các biện pháp như sau:

- Ban hành nội quy và dán tại công trường để công nhân biết và thực hiện.
- Các phương tiện vận chuyển phải được phủ kín bằng bạt, thùng xe kín, không chở nguyên vật liệu vượt quá khối lượng quy định và chạy đúng tốc độ quy định.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang, mũ, giày, găng tay cho công nhân xây dựng để hạn chế đến mức thấp nhất các ảnh hưởng của bụi xây dựng. Bố trí công nhân quét dọn bề mặt sân đường nội bộ Nhà máy được thực hiện hằng ngày.

- Khối lượng thi công các hạng mục công trình không nhiều, tuy nhiên để đảm bảo môi trường tại khu vực, Chủ đầu tư cũng sẽ yêu cầu nhà thầu có kế hoạch thi công và cung cấp vật tư thích hợp, hạn chế việc cung cấp vật tư vào cùng một thời điểm, làm cản trở quá trình thi công.

- Các loại nguyên liệu như xi măng phải được che chắn hoặc lưu chứa trong lán trại đảm bảo nhằm tránh sự phát tán bụi, phun tưới ẩm đối với các vật liệu như gạch, đá, sỏi.

❖ Khí thải từ công đoạn hàn, hơi dung môi sơn

Khi tiến hành thi công cải tạo các nhà xưởng sản xuất, xây dựng mới nhà xe, bể nước PCCC, ... có sử dụng sắt thép, lắp ghép theo thép định hình nên có nhiều mối hàn. Quá trình hàn điện sẽ sinh ra các chất ô nhiễm không khí như các oxit kim loại: Fe_2O_3 , SiO_2 , K_2O , ... tồn tại ở dạng khói bụi. Tuy nhiên, tác động của loại ô nhiễm này thường không lớn, do được phân tán trong môi trường rộng, thoáng và thời gian lắp ghép khung nhà xưởng sản xuất chỉ thực hiện trong thời gian ngắn, khối lượng thi công ít. Đồng thời sau khi hàn các kết cấu sẽ tiến hành phun sơn chống gỉ cho kết cấu. Hơi dung môi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân phun sơn. Do đó, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Quy hoạch khu hàn cơ khí, phun sơn riêng biệt, cách ly với các khu khác và có biện pháp quản lý, thu gom phù hợp, hạn chế ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe công nhân lao động.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, đặc biệt là công nhân hàn (khẩu trang, kính bảo hộ, mũ, găng tay).

❖ Mùi hôi phát sinh từ hoạt động lưu trữ chất thải trong giai đoạn xây dựng

Việc tập trung lượng lao động trong giai đoạn này sẽ làm phát sinh các chất ô nhiễm bao gồm rác và nước thải sinh hoạt đều là những chất có mùi hôi, dễ tạo điều kiện cho các vi sinh vật gây bệnh phát triển, gây nguy cơ phát sinh và lan truyền mầm bệnh, gây mất mỹ quan công trường nếu công tác thu gom và xử lý không tốt.

Tuy nhiên, trong giai đoạn xây dựng rác phát sinh chủ yếu là sắt thép vụn, rác thải sinh hoạt không nhiều và các hoạt động này không thực hiện liên tục nên các khí

này dễ bị phân tán, pha loãng vào không khí, chủ yếu tác động đến công nhân trực tiếp thực hiện nên tác động được đánh giá ở mức độ không đáng kể.

Chủ dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Tập kết, thu gom và vận chuyển các loại rác thải sinh hoạt xử lý theo quy định.
- Không được phép đốt vật liệu hay chất thải tại khu vực Dự án.
- Bố trí các thùng chứa rác chuyên dụng có nắp đậy (tại khu văn phòng công trường và khu kho vật tư) để thu gom chất thải rắn, tránh phát sinh mùi hôi. Yêu cầu nhà thầu quán triệt cho công nhân tuân thủ nghiêm ngặt việc thu gom CTR, tránh xả thải bừa bãi tại công trường xây dựng.

4.2.1.4. Về tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn: Trong giai đoạn thi công cải tạo nhà xưởng, lắp đặt máy móc, thiết bị thì tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các máy móc thi công cải tạo nhà xưởng, các phương tiện vận tải trên công trường, sự va chạm của các máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt, các vật liệu bằng kim loại, hàn cắt kim loại,.. Hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị được thực hiện bên trong nhà xưởng, các nguồn ồn trên chỉ phát sinh tạm thời và chấm dứt khi giai đoạn này kết thúc. Do đó, các tác động này chỉ có tác động chủ yếu đến công nhân thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị; hầu như tác động không đáng kể đến môi trường xung quanh.

Độ rung: Các rung động phát sinh do hoạt động của việc lắp đặt thiết bị chỉ tác động trong khu vực thi công, sẽ có khả năng ảnh hưởng ở khoảng cách 15m từ nguồn phát sinh. Với khoảng cách này, độ rung sẽ ảnh hưởng chủ yếu đến công nhân lắp đặt máy móc, thiết bị.

Các thiết bị, máy móc, xe vận tải cỡ lớn... khi làm việc đều phát sinh ra các dạng dao động cơ học dưới dạng rung động và độ rung này sẽ ảnh hưởng đến chất lượng các hạng mục công trình sân, đường nội bộ.

Rung động là yếu tố vật lý tác động qua đường truyền năng lượng từ nguồn rung tới con người. Đối với dự án này, khối lượng lắp đặt máy móc, thiết bị, đặc thù của các hoạt động gây độ rung động không lớn nên tác động của độ rung đến sức khỏe con người là không lớn. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thực hiện, Chủ dự án cũng sẽ quan tâm thực hiện tốt các giải pháp giảm thiểu tác động như sau:

- Không sử dụng các máy móc quá cũ để giảm mức gây ồn và các khí độc trong khí thải; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các thiết bị hư hỏng.
- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng và tra dầu mỡ các thiết bị, máy móc.

- Quy định về thời gian làm việc, thời gian hoạt động của công trường hợp lý. Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm.

- Bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị xen kẽ nhau, hạn chế thấp nhất việc tập trung nhiều máy móc, thiết bị hoạt động cùng lúc để tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Ngoài ra, Chủ đầu tư còn theo dõi, giám sát tiến độ thi công và yêu cầu các nhà thầu đảm bảo đúng tiến độ thi công.

4.2.1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

❖ Biện pháp giảm thiểu tác động đến tình hình giao thông

Chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công thực hiện nghiêm các giải pháp:

- Yêu cầu các xe vận chuyển đảm bảo điều kiện về tham gia giao thông, tải trọng đường sá, lái xe đảm bảo đủ điều kiện quy định;

- Sử dụng phương tiện vận chuyển được kiểm định theo quy định.

- Xe ra vào công trường đều được kiểm soát bởi bảo vệ hoặc cán bộ của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát.

- Không chất vật liệu vượt thành xe, không chở quá tải, xe chạy đúng vận tốc quy định;

- Phân bố thời gian vận chuyển hợp lý, tránh vào những thời gian cao điểm tại khu vực đến tránh ùn tắc giao thông;

- Yêu cầu các lái xe phải giảm tốc độ khi qua khu vực có dân cư sinh sống;

- Bố trí cán bộ điều tiết xe ra vào khu vực dự án, đảm bảo không ùn tắc, không ảnh hưởng đến hoạt động giao thông chung trong phạm vi nội bộ của dự án.

❖ Giảm thiểu do tập trung công nhân tại khu vực dự án

- Tận dụng thuê những lao động tại địa phương có khả năng đáp ứng công việc.

- Thực hiện đăng ký tạm trú tạm vắng những công nhân từ nơi khác đến với chính quyền địa phương để quản lý.

- Xây dựng các nội quy công trình và tập trung công nhân. Yêu cầu công nhân cam kết làm theo. Ban hành các quy định quản lý trật tự an ninh chung và có những hình thức kỷ luật phù hợp.

- Xây dựng nội quy lao động, tuyên truyền phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

- Áp dụng công tác tuyên truyền, quản lý công nhân chặt chẽ. Duy trì lối sống lành mạnh, cấm các tệ nạn xã hội trong khu vực thi công. Giải quyết triệt để mâu thuẫn giữa công nhân với cộng đồng dân cư địa phương.

❖ **Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động và phòng chống cháy nổ**

Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị nhà thầu thực hiện và quán triệt công nhân thực hiện các biện pháp:

- Quy định các nội quy làm việc tại công trường bao gồm: Nội quy ra, vào làm việc tại công trường; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; nội quy sử dụng thiết bị thi công; nội quy về an toàn điện; nội quy an toàn giao thông; nội quy an toàn cháy nổ...

- Sử dụng lao động đúng ngành nghề và trình độ được đào tạo.

- Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị thi công xây dựng.

- Bố trí lán trại cho công nhân thi công, đảm bảo điều kiện ăn ở hợp vệ sinh. Thường xuyên giáo dục, nhắc nhở nâng cao ý thức an toàn lao động cho công nhân.

- Thành lập đội kiểm tra an toàn lao động, có nhiệm vụ đôn đốc, giám sát an toàn về người và thiết bị trong quá trình xây dựng.

- Bố trí thời gian và tiến độ thi công thích hợp với điều kiện khí hậu và thời tiết địa phương để tránh những sự cố đối với công trình như chập điện, đổ vỡ công trình,. Thiết kế chiếu sáng cho những nơi làm việc ban đêm và khu vực cần bảo vệ.

- Các máy móc, thiết bị thi công có lý lịch kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật trước khi sử dụng.

- Khi thực hiện lắp đặt, bóc dỡ các thiết bị đảm bảo điều kiện kỹ thuật.

- Thiết kế chiếu sáng cho những nơi cần làm việc ban đêm hoặc những nơi đào sâu để lắp đặt đường ống, đường dây.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn lao động cho công nhân.

- Phổ biến và đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định các biện pháp phòng chống cháy nổ, chập điện khi thi công cho công nhân.

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, có máy móc phù hợp, cơ giới hóa đáp ứng nhu cầu thi công của công trình

- Trang bị tủ y tế tại công trường để sơ cứu chữa các ca tai nạn lao động nhẹ và sơ cứu các ca tai nạn nghiêm trọng trước khi chuyển về bệnh viện

- Công nhân không đùa giỡn trong quá trình thi công. Không tung ném dụng cụ, vật liệu hay bất kỳ vật gì trong khu vực làm việc và từ trên cao xuống

- Phải đeo dây bảo hộ an toàn khi thực hiện hoạt động trên sàn thao tác ở độ cao 2m so với nền. Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động

- Trước và trong giờ làm việc không được uống rượu, bia. Từ chối không cho những công nhân hay cán bộ trong tình trạng say sưa tham gia làm việc.

4.2.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

4.2.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

a. Công trình thu gom, thoát nước thải

Hệ thống thu gom thoát nước thải được bố trí riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa, theo hướng tự chảy với độ dốc 0,1%.

Hệ thống thoát nước thải của dự án sử dụng ống uPVC D300mm để dẫn nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của dự án về bể xử lý nước thải của dự án, chiều dài đường ống là 305m.

Vị trí đầu nối nước thải tại hố ga nằm trên vỉa hè đường nội bộ KCN Long Mỹ, phía Tây Bắc mặt bằng dự án, có tọa độ X = 1518742, Y = 595697 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 1080 15', múi chiều 30) (vị trí đầu nối thể hiện trong bản vẽ quy hoạch thoát nước thải).

❖ Nước thải sinh hoạt

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của hạng mục nhà vệ sinh, nhà làm việc + trưng bày với lượng nước thải là 9 m³ (80 công nhân nhiên làm việc tại dự án) sản phẩm sẽ được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại đặt dưới mỗi hạng mục trước khi dẫn về bể xử lý nước thải để xử lý.

❖ Nước thải sản xuất

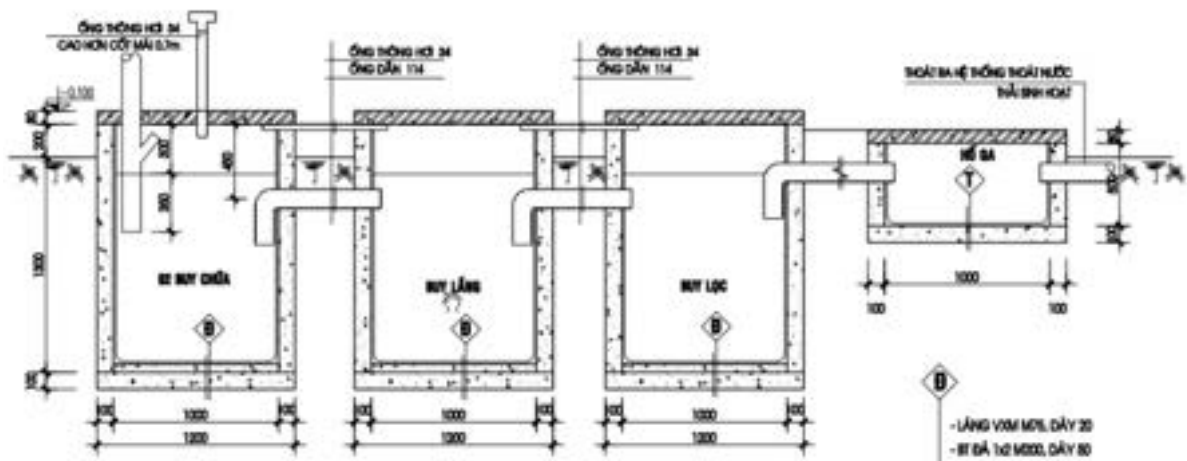
Lượng nước thải sản xuất của dự án phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống phun sơn. Cụ thể như sau, lượng nước trong quá trình vận hành hệ thống phun sơn được sử dụng tuần hoàn, hằng ngày bổ sung lượng nước hao hụt, sau thời gian khoảng 01 tháng, khi nước thải có dấu hiệu đậm đặc bởi các chất ô nhiễm có trong thành phần của sơn làm giảm khả năng hấp thụ bụi, sẽ tiến hành xả đáy, vệ sinh máng nước và bổ sung lượng nước sạch mới, lượng nước xả ước tính khoảng 1,12 m³/lần xả (cho 2

máng nước). Phần váng cặn sơn nổi lên trên bề mặt máng nước định kỳ hằng ngày sẽ được công nhân vận hành vớt, tận dụng các thùng chứa sơn để lưu chứa, sau đó vận chuyển về kho chứa CTNH. Lượng nước thải này sẽ được dẫn về bể xử lý nước thải của dự án để xử lý trước khi đầu nối vào hố ga thuộc hệ thống thu gom nước thải của KCN Long Mỹ.

b. Công trình xử lý nước thải

❖ Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh, nhà làm việc + trưng bày sản phẩm (ước tính khoảng 9m³) được thu gom theo đường ống nhựa uPVC D114mm dẫn về bể tự hoại 03 ngăn chống thấm để xử lý sơ bộ nước thải; cùng với nước thải sinh hoạt khác (rửa tay chân, rửa sàn nhà vệ sinh) sẽ tự chảy theo đường ống nhựa uPVC D114mm chôn ngầm để dẫn về hố ga gom nước thải. Nước thải từ hố ga sẽ được thoát ra hệ thống thoát nước thải của dự án và dẫn về bể xử lý nước thải để xử lý trước khi đầu nối về hố ga thuộc hệ thống thu gom nước thải của KCN Long Mỹ (hố ga nằm trên vỉa hè đường đường nội bộ KCN, phía Tây Bắc mặt bằng dự án).



Hình 4. 1. Sơ đồ mô hình bể tự hoại

Nguyên lý bể tự hoại:

- Ngăn đầu tiên có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Cặn lắng ở dưới đáy bể được hút định kỳ để đưa đi xử lý. Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy, làm sạch các chất hữu cơ trong nước. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba để lắng toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải.

- Đối với cặn lắng trong bể tự hoại, định kỳ Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định.

Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án như sau:

Bảng 4. 2. Các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án

STT	Công trình	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Kết cấu xây dựng	Vị trí bố trí
1	Buy chứa	- Dung tích: 4m³ - Hình dáng: hình trụ - Kích thước: sâu 1.680mm; đường kính 1.200mm.	04 buy	- Thành buy: BT đá 1×2 mác 200 dày 100. - Đáy buy: Láng VXM M75, dày 20; BT đá 1×2 M200, dày 50; BT đá 4×6 M100, dày 100.	- Hạng mục Nhà làm việc + Trưng bày sản phẩm (hạng mục số 2 bản vẽ quy hoạch sử dụng đất tại phụ lục đính kèm báo cáo); - Hạng mục nhà vệ sinh (hạng mục số 9 bản vẽ quy hoạch sử dụng đất tại phụ lục đính kèm báo cáo).
2	Buy lắng	- Dung tích: 4m³ - Hình dáng: hình trụ - Kích thước: sâu 1.680mm; đường kính 1.200mm.	02 buy	- Thành buy: BT đá 1×2 mác 200 dày 100. - Đáy buy: Láng VXM M75, dày 20; BT đá 1×2 M200, dày 50; BT đá 4×6 M100, dày 100.	
3	Buy lọc	- Dung tích: 4m³ - Hình dáng: hình trụ - Kích thước: sâu 1.680mm; đường kính 1.200mm.	02 buy	- Thành buy: BT đá 1×2 mác 200 dày 100. - Đáy buy: Láng VXM M75, dày 20; BT đá 1×2 M200, dày 50; BT đá 4×6 M100, dày 100.	
4	Hố ga	- Dung tích hố ga: 1,6 m³ - Hình dạng: hình trụ - Kích thước: sâu 500mm;	02 hố ga	- Thành buy: BT đá 1×2 mác 200 dày 100. - Đáy buy: Láng VXM M75, dày 20; BT đá 4×6	

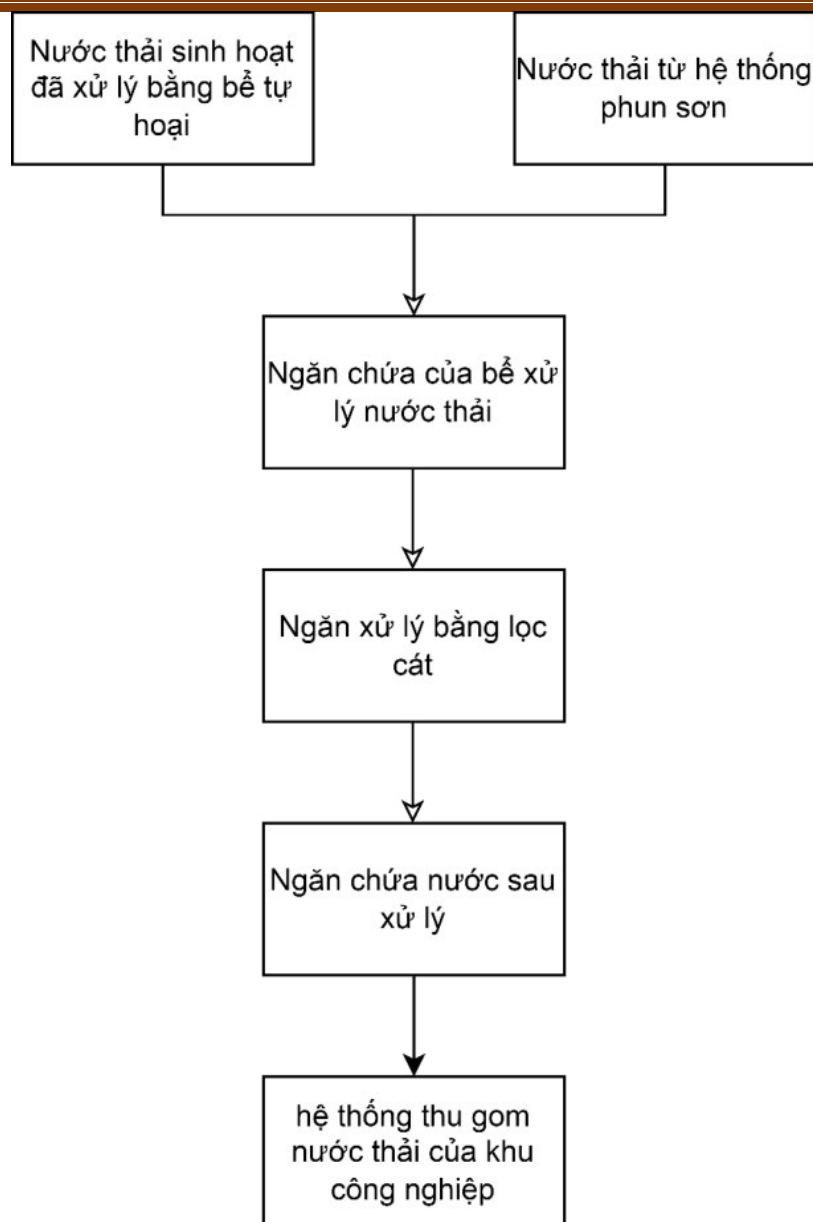
*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Dự án “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây”*

STT	Công trình	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Kết cấu xây dựng	Vị trí bố trí
		đường kính 1.000mm		M100, dày 100.	
5	Ống dẫn nước thải	- ống uPVC 114mm	12 ống	-	
6	ống thoát nước thải	- ống uPVC 150mm	02 ống	-	
7	ống thoát hơi	- ống uPVC 34mm	08 ống	-	

(Nguồn: Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture)

❖ **Nước thải sản xuất**

Quy trình của xử lý nước thải của dự án như sau:



Hình 4. 2. Quy trình xử lý nước thải

Thuyết minh:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại và nước thải từ hệ thống phun sơn của dự án sẽ được xử lý bằng phương pháp lắng và lọc cát.

Lượng nước thải dẫn về ngăn chứa của bể xử lý nước thải sẽ được tiếp tục dẫn về bể xử lý để xử lý lượng nước thải. Tại đây chủ dự án sẽ sử dụng than lọc kết hợp với lớp đá 1×2 để xử lý nước thải nhằm làm giảm cặn lơ lửng, mùi và cải thiện độ màu của nước thải. Nước thải sau xử lý sẽ được đấu nối với công thu gom nước thải KCN Long Mỹ để tiếp tục dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Tài để tiếp tục xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

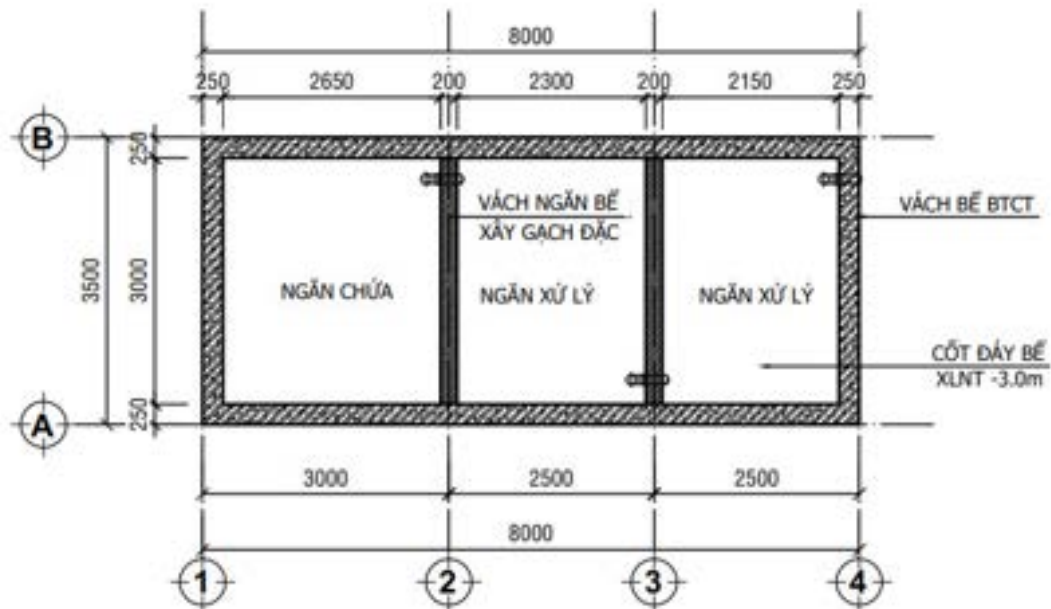
Các hạng mục công trình của bể xử lý nước thải được trình bày chi tiết như sau:

Bảng 4. 3. Các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án

STT	Công trình	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Kết cấu xây dựng
1	Bể chứa	- Dung tích: 25,8m³. - Kích thước: 3m×3m×3,65m.	01	- Thành bể: quét chống thấm; láng vữa XM 75#, dày 4cm; BTCT đá 1×2 M250. - Đáy bể: quét chống thấm; láng vữa XM 75#, dày 4cm; BTCT đá 1×2 M250; BT lót đá 4×6 M100, dày 100; lót đất tự nhiên, đầm chặt. - Nắp bể: Tấm đan BTCT Đá 1×2 M200; dầm nắp BTCT đá 1×2 M250.
2	Bể xử lý	- Dung tích: 22,4m³. - Kích thước: 3m×2,5m×3,65m.	01	- Vách ngăn bể: xây gạch đặc; quét chống thấm; láng vữa XM 75#, dày 4cm. - Đáy bể: quét chống thấm; láng vữa XM 75#, dày 4cm; BTCT đá 1×2 M250; BT lót đá 4×6 M100, dày 100; lót đất tự nhiên, đầm chặt. - Nắp bể: Tấm đan BTCT Đá 1×2 M200; dầm nắp BTCT đá 1×2 M250.
3	Bể sau xử lý	- Dung tích: 20,96m³. - Kích thước: 3m×2,5m×3,65m	01	- Vách ngăn bể: xây gạch đặc; quét chống thấm; láng vữa XM 75#, dày 4cm. - Thành bể: quét chống thấm; láng vữa XM 75#, dày 4cm; BTCT đá 1×2 M250. - Đáy bể: quét chống thấm; láng vữa XM 75#, dày 4cm; BTCT đá 1×2 M250; BT lót đá 4×6 M100, dày 100; lót đất tự nhiên, đầm chặt. - Nắp bể: Tấm đan BTCT Đá 1×2 M200; dầm nắp BTCT đá 1×2 M250.

STT	Công trình	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Kết cấu xây dựng
4	Ống dẫn nước thải	D150mm	03	Nhựa uPVC

(Nguồn: Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture)



Hình 4. 3. Bể xử lý nước thải của dự án

c. Công trình thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án được bố trí riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

Hệ thống thoát nước mưa của dự án được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy với độ dốc 0,1%. Nước mưa của dự án được thu gom bằng hệ thống hố ga kết hợp cống BTLT D600mm và mương thoát nước mặt sẵn có. Nước mưa sau thu gom sẽ đầu nối vào hố ga thuộc hệ thống thu gom nước mưa của KCN Long Mỹ.

Vị trí đầu nối nước mưa tại hố ga ở phía Đông Bắc mặt bằng dự án, có tọa độ X=1518754, Y=595833 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108o15', múi chiều 3 độ) (vị trí đầu nối thể hiện trong bản vẽ quy hoạch thoát nước mưa).

Các hạng mục công trình thoát nước mưa của dự án được trình bày như sau:

Bảng 4. 4. Các hạng mục công trình thoát nước mưa của dự án

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Kết cấu xây dựng
1	Cống thoát nước mưa (xây mới)	m	237,86	Ø600mm	BTLT

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Dự án “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây”*

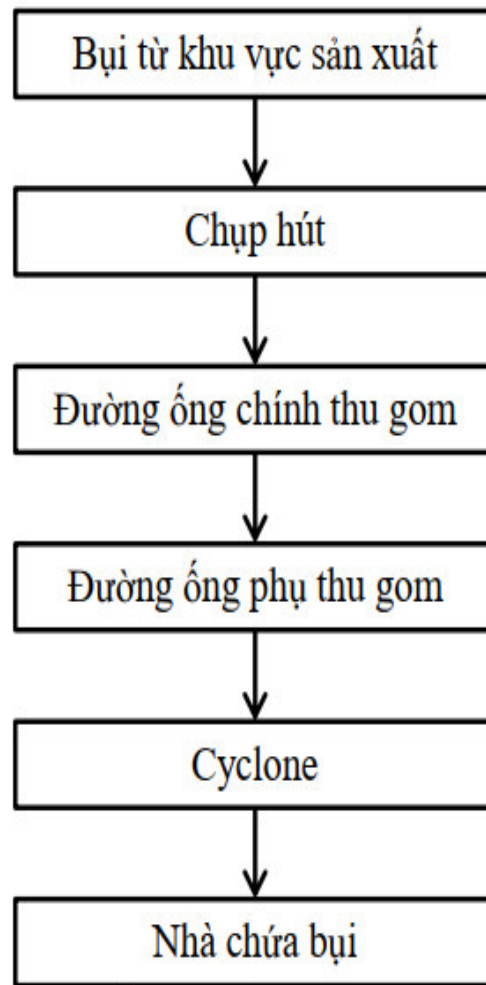
STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Kết cấu xây dựng
2	Hố ga (xây mới)	Cái	13	- Hình dạng: hình trụ - Kích thước: sâu 500mm; đường kính 1.000mm	- Thành buy: BT đá 1×2 mác 200 dày 100. - Đáy buy: Láng VXM M75, dày 20; BT đá 4×6 M100, dày 100.
3	Mương thoát nước mưa (hiện hữu)	m	302,90	Kích thước: 1m × 0,8m	Bê tông đáy mương đá 4×6 vữa XM mác100, dày 150

(Nguồn: Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture)

4.2.2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

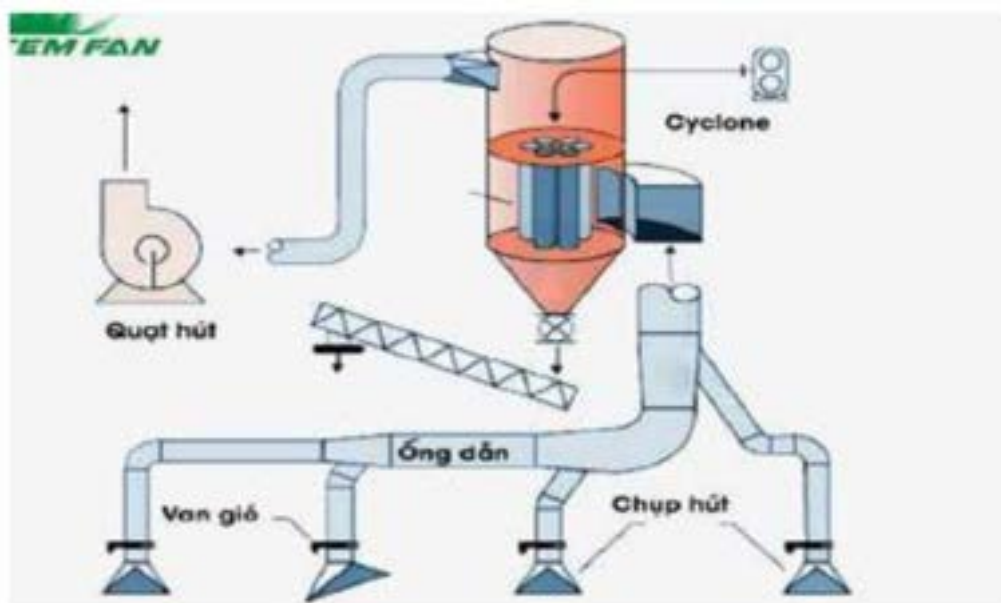
❖ Công trình thu gom và xử lý bụi gỗ

Toàn bộ lượng bụi thu gom từ các công đoạn sản xuất của nhà máy được đưa về hệ thống thu gom bụi gỗ. Quy trình thu gom như sau:



Hình 4. 4. Sơ đồ thu gom bụi gỗ trong quá trình sản xuất của dự án

Thiết bị xử lý bụi gỗ bao gồm hệ thống các chụp hút cục bộ, hệ thống ống dẫn, các quạt hút và đẩy khí, buồng lắng bụi và cyclone



Hình 4. 5. Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom bụi gỗ

Nguyên lý hoạt động:

Nguyên tắc hoạt động của hệ thống hút bụi như sau: Hệ thống máy hút bụi gỗ có tác dụng thu gom bụi ngay tại vị trí phát sinh thông qua các chụp hút bố trí ngay tại các máy công cụ. Các chụp hút được gắn với hệ thống ống dẫn với áp lực hút mạnh bụi di chuyển theo hệ thống đường ống dẫn vào cyclone.

Dưới sức hút của quạt ly tâm công suất lớn, toàn bộ bụi sẽ bị hút thông qua đường ống nối với từ đầu hút đến quạt và cuốn theo dòng khí vào chuyển động xoáy, sau đó va chạm vào thành cyclone mất động năng đi xuống phễu, chuyển ra kho chứa bụi.

Các thiết bị máy móc của hệ thống thu gom và xử lý bụi được trình bày như sau:

Bảng 4. 5. Danh mục các thiết bị của hệ thống thu gom và xử lý bụi gỗ

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Quạt hút ly tâm	Cái	1	- Điện áp 380V - Công suất: 25hp - Lưu lượng: 25.000m ³ /h
2	Cyclone	Cái	2	- Kích thước (D×H): 2,2m×7m. - Kích thước ống thoát: Ø800mm - Kích thước ống thu bụi: Ø750mm
3	Ống dẫn chính	Hệ thống	01	- Kích thước: Ø900mm - Hình dạng: ống tròn - Vật liệu: inox dày 0,75mm.
4	Ống dẫn phụ	ống	30	- Kích thước: Ø300mm - Hình dạng: ống tròn - Vật liệu: inox dày 0,75mm.
5	Ống hút bụi trực tiếp	ống	80	- Kích thước: Ø160mm - Hình dạng: ống tròn - Vật liệu: PU dày 0,6mm

(Nguồn: Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture)

Một số hình ảnh hệ thống xử lý bụi của dự án:



Hình 4. 6. Hệ thống xử lý bụi gỗ



Hình 4. 7. Hệ thống đường ống thu gom bụi gỗ.

Bên cạnh biện pháp chính là lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý bụi, công ty sẽ thực hiện các biện pháp hỗ trợ sau:

- Căn cứ vào việc bố trí cửa ra vào và hành lang giao thông trong xưởng, chủ dự án sẽ sắp xếp quy trình chà nhám tránh xa khu vực sơn và có tường bao che cách ly với các khâu sản xuất khác một mặt thuận tiện cho việc thu gom và xử lý bụi, một mặt tránh ảnh hưởng đến công đoạn phun sơn vì khi đó bụi gỗ sẽ bay lên và bám dính vào các bề mặt sơn.

- Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố như bụi vỡ cyclone, đường ống thu bụi, ...thì chủ dự án sẽ ngừng sản xuất để khẩn trương khắc phục sự cố kịp thời ngăn ngừa bụi gỗ phát tán ra môi trường.

- Quy hoạch xây dựng nhà xưởng thông thoáng, chú trọng đến hệ thống thông gió tự nhiên và cưỡng bức. Che chắn hạn chế khuếch tán bụi ra xung quanh tại khu vực sơ chế, tinh chế.

- Quy hoạch bố trí và sắp xếp hệ thống máy móc, thiết bị phù hợp trong dây chuyền sản xuất: bố trí các máy móc thiết bị theo tính năng để có giải pháp xử lý bụi cục bộ cho từng khu vực.

- Nhà xưởng thiết kế cửa rộng và có tầng mái cao chú trọng thông gió tự nhiên.

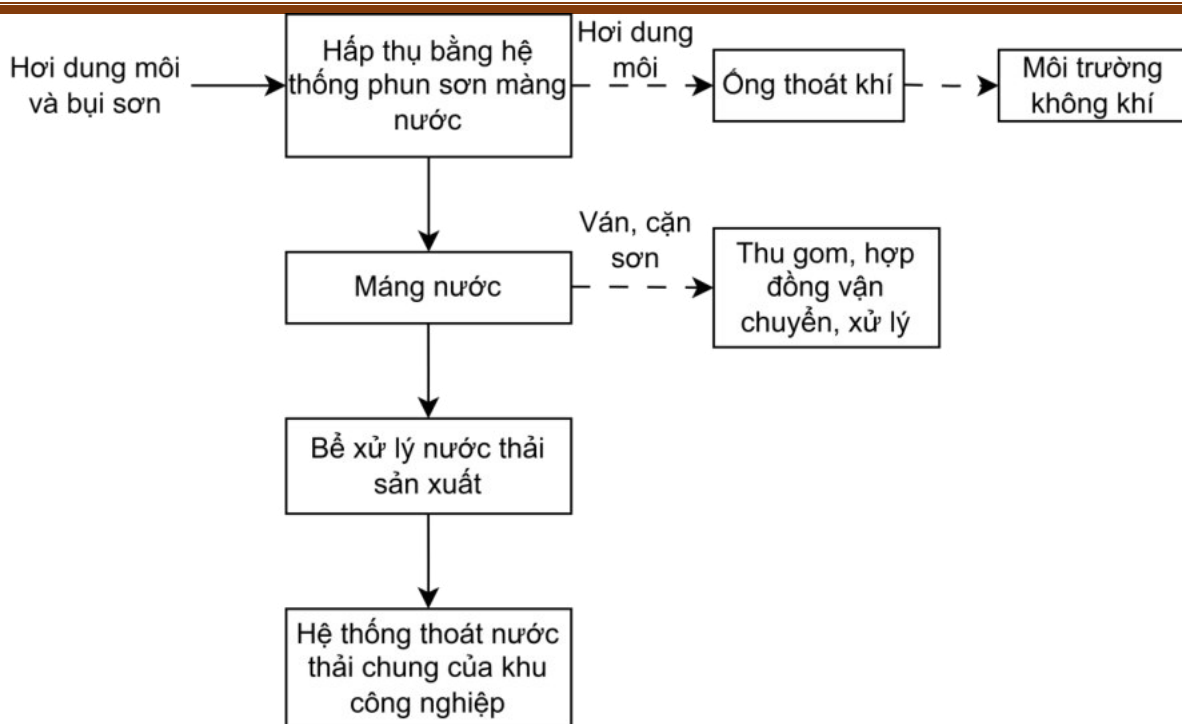
- Áp dụng công nghệ vận hành tối ưu, cơ giới hóa, tự động hóa quy trình sản xuất.

- Sân và đường đi trong khu vực nhà máy được trải bê tông theo đúng quy hoạch.

- Tăng cường trồng cây xanh, cây xanh có tác dụng che nắng, hút bụi và giữ bụi, lọc sạch không khí, che chắn tiếng ồn, giảm bụi, mặt khác nó còn tạo thẩm mỹ cảnh quan khu vực, tạo ra cảm giác êm dịu. Chủ đầu tư đã bố trí các dải cây xanh sát tường rào tạo dải phân cách để hạn chế bụi gỗ phát tán ra cơ sở lân cận, các tuyến đường nội bộ giữa các phân xưởng nhằm tạo cảnh quan và bóng mát. Đảm bảo tỷ lệ trồng cây xanh theo đúng quy hoạch.

❖ Công trình thu gom khí thải từ quá trình phun sơn

Để giảm lượng khí phát sinh từ khâu phun sơn cho sản phẩm thì dự án đã tiến hành xây dựng khu vực này cách xa khu vực sản xuất khác. Xây dựng phân xưởng phun sơn với buồng phun sơn khép kín, có lắp đặt hệ thống thu hồi sơn hiện đại, đảm bảo nồng độ dung môi rất nhỏ so với tiêu chuẩn cho phép khí thải, phát tán ra môi trường, Lắp đặt hệ thống hút bụi sơn bằng hệ thống hấp thụ bụi sơn bằng màng nước có tác dụng hấp thụ lượng sơn dư thừa nhằm hạn chế phát tán ra môi trường. Quy trình xử lý như sau:



Hình 4. 8. Quy trình xử lý khí thải từ hoạt động phun sơn

Nguyên lý hoạt động: hệ thống tháp phun sơn màng nước chính là một dạng thiết bị xử lý khí thải, bụi bằng phương pháp hấp thụ và dựa trên nguyên lý lực ly tâm. Khi lượng bụi phát sinh từ quá trình sơn, lực hút của quạt có nhiệm vụ tách bụi ra khỏi dòng khí, sau đó bụi tiếp xúc với màng nước và bị cuốn theo dòng chảy của nước, rơi xuống máng nước. Còn không khí sau khi tách bụi sẽ theo lực hút của quạt đẩy ra ngoài qua ống thoát khí. Bụi, hơi dung môi sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, $K_v=1$; $K_p=0,9$ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn về khí thải công nghiệp đối các chất hữu cơ.

Các thiết bị của hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 4. 6. Danh mục thiết bị của hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Tháp sơn màng nước	Cái	2	- Kích thước: 4m×1,4m×2,7m - Vật liệu: inox dày 2mm
2	Ống thoát khí	ống	6	- Kích thước: (D×H): 0,6m×8,5m - Vật liệu: inox dày 0,75mm.

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
3	Motor bơm nước	Cái	2	- Công suất: 2hp
4	Quạt hướng trục gián tiếp	Cái	6	- Công suất 1,5kW - Lưu lượng: 11.000m ³ /h - Kích thước D600mm.

(Nguồn: Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture)

Một số hình ảnh hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi của dự án:



Hình 4. 9. Hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi

4.2.2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

❖ Chất thải rắn sinh hoạt

Lượng chất thải rắn sinh hoạt của 80 cán bộ công nhân viên tại dự án bao gồm các loại văn phòng phẩm đã qua sử dụng, thức ăn thừa, bao bì các loại được xác định căn cứ vào hệ số ô nhiễm các chất thải rắn sinh hoạt Theo Tổ chức Y tế thế giới là 0,684 kg/người/ngày. Như vậy tổng lượng rác thải phát sinh tại nhà máy được tính như sau: $80 \text{ người} \times 0,684 \text{ kg/người/ngày} = 54,72 \text{ kg/ngày}$. Chất thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần hữu cơ (>60%), rất dễ bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật nếu không được thu gom và xử lý sẽ là nguyên nhân làm cho mầm bệnh phát triển, phát sinh mùi hôi làm ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân. Vào mùa mưa nếu khu vực lưu chứa không được che chắn kỹ sẽ tạo nên nước rỉ rác gây mùi là ô nhiễm môi trường và gây tắc nghẽn hệ thống tiêu thoát nước của dự án. Do đó, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Bố trí 05 thùng rác loại nhỏ có thể tích khoảng 30-45 (lít) để thu gom rác ở khu vực phòng làm việc, nhà ăn, nhà vệ sinh; và 20 thùng rác chứa CTR cỡ lớn loại 120 (lít) đặt ở khu vực sân đường nội bộ và xung quanh khu vực nhà xưởng.
- Toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt của dự án được nhân viên vệ sinh thu gom với tần suất 1 lần/ngày và tập kết tại điểm tập trung có mái che trong khuôn viên nhà máy
- Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.
- Tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, công nhân các quy định về bảo vệ môi trường.

❖ Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn sản xuất phát sinh trong công đoạn sơ chế, tinh chế, chà nhám và đóng gói sản phẩm chủ yếu là gỗ vụn, mùn cưa, dăm bào, bụi, bao bì carton, nhãn mác hỏng,...

Tham khảo thực tế số liệu của một số nhà máy có loại hình tương tự cho thấy, hao hụt nguyên liệu trong quá trình sản xuất đồ gỗ khoảng 5% nguyên liệu đầu vào. Với thời gian làm việc trong 1 năm khoảng 300 ngày, ước tính khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh tại nhà máy là 400 tấn/năm.

Ngoài ra còn có các thành phần chất thải rắn không chứa thành phần nguy hại khác như: bao bì nilon, bìa carton thải bỏ với lượng phát sinh không đáng kể, ước tính khoảng 3 kg/ngày.

Với lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Chất thải rắn sản xuất bao gồm các loại sản phẩm hỏng bị thu hồi, bụi gỗ phát

sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy với khối lượng đáng kể. Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng đưa đi xử lý, không thải lượng chất thải này ra ngoài môi trường.

- Giấy carton, bao bì nguyên, phụ liệu không chứa thành phần nguy hại phát sinh sẽ thu gom lưu chứa tại khu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường. Phần lớn sẽ được tận dụng để kê lót sản phẩm.

- Khu vực kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 12 m² được xây bằng tường gạch VXM M75 dày 150. Mái nhà kho được lợp mái tôn 0,42mm. Nền của nhà kho được lát gạch, nền bê tông đá 4×6 mac 100, D=100mm.

❖ **Chất thải nguy hại**

Tham khảo thực tế số liệu của một số nhà máy có loại hình tương tự, loại chất thải nguy hại phát sinh và khối lượng của từng loại chất thải nguy hại được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng 4. 7. Khối lượng chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
I	Chất thải nguy hại			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	1	16 01 06
2	Thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	2	16 01 13
II	Chất thải công nghiệp phải kiểm soát			
4	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Rắn	5	07 04 01
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	10	18 01 02
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	10	18 01 03
7	Giẻ lau, vật liệu lọc, vải bảo vệ thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	20	18 02 01
9	Bao bì mềm thải	Rắn	8	18 01 01
Tổng:			56	

Với lượng chất thải trên, Chủ dự án sẽ trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng bố trí kho chứa chất thải nguy hại theo quy định về quản lý chất thải nguy hại tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, cụ thể:

- Tường: được xây bằng gạch VXM M75 dày 150.
- Mái nhà kho được lợp mái tôn 0,42mm.
- Nền của nhà kho được lát gạch, nền bê tông đá 4×6 mac 100, D=100mm.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh từ dự án.

4.2.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn và độ rung động của nhà máy phát sinh từ các hoạt động của máy móc, thiết bị bên trong nhà xưởng như máy cưa, máy bào, máy chà nhám (khoảng 80-90 dBA),... Ngoài ra, tiếng ồn còn do các hoạt động giao thông vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu và sản phẩm, tập trung công nhân sản xuất.

Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động sản xuất, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Xưởng sản xuất được bao che với vách tường bằng tole, hạn chế tối đa âm thanh trong do máy móc phát ra bên ngoài.
- Khu vực văn phòng làm việc được lắp đặt các cửa kính để hạn chế bụi và tiếng ồn do quá trình sản xuất gây ra.
- Công nhân vận hành trực tiếp được trang bị quần áo bảo hộ lao động, nút bịt tai, bố trí thời gian làm việc xen kẽ để đảm bảo sức khỏe và hiệu quả công việc.
- Móng máy đảm bảo xây dựng đủ khối và có biện pháp chống rung phù hợp.
- Xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm khi vào nhà máy phải hạn chế tốc độ, tắt máy khi chờ hàng hoặc bốc dỡ nguyên liệu.
- Trồng cây xanh theo đúng hồ sơ quy hoạch lựa chọn các loại cây có tán rộng, bố trí vành đai cây xanh xung quanh các công trình nhà xưởng, khu lưu giữ chất thải, bể xử lý nước thải, bố trí thêm phía trước các khối nhà văn phòng, nhà ăn.

4.2.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi đi vào vận hành

❖ Phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ

Để phòng ngừa sự cố cháy nổ, Chủ dự án sẽ áp dụng một số biện pháp sau:

- Để phòng ngừa cháy nổ, dự án sẽ áp dụng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục và pháp chế.
- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động để có kế hoạch ứng phó

kịp thời khi xảy ra các sự cố này.

- Đặc biệt, dự án sẽ phối hợp cùng với các cơ quan phòng cháy chữa cháy địa phương tiến hành thiết lập cụ thể các biện pháp phòng cháy chữa cháy. Tính toán số lượng trang thiết bị chữa cháy cần thiết lắp đặt cho từng hạng mục công trình. Xây dựng cụ thể các bảng nội quy và tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy. Bố trí các bảng hiệu này ở từng hạng mục công trình.

- Tổ chức các buổi huấn luyện về phòng cháy chữa cháy cho tất cả các công nhân của dự án.

- Đối với các thiết bị điện: Nhằm ngăn ngừa các hiện tượng cháy nổ do điện gây ra, nhà máy sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Đặt thiết bị bảo vệ như aptomat cho đường dây điện chính, đường dây điện phụ, cho thiết bị có công suất lớn. Phải đặt cầu chì trước từng ổ cắm điện.

- Tiết diện dây dẫn phải được chọn sao cho đủ khả năng tải dòng điện đến các thiết bị, dụng cụ điện mà nó cung cấp.

- Không sử dụng phụ tải quá mức.

- Không sử dụng dây điện, thiết bị có chất lượng kém.

- Không lắp đặt hoặc để các thiết bị có tỏa nhiệt trên các vật dụng dễ cháy nổ, khi nối dây phải nối so le và quấn băng keo cách điện.

- Khi xảy ra cháy do chập điện phải nhanh chóng cắt cầu dao điện tổng. Báo động cho toàn thể nhà máy biết. Báo cho cảnh sát PCCC và dùng phương tiện chữa cháy tại chỗ dập lửa.

❖ **Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với công trình thu gom, thoát, xử lý nước thải**

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát, kiểm tra hệ thống đường ống, mương dẫn nước thải để đảm bảo hiệu quả thu gom và đấu nối triệt để nước thải.

- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh ống dẫn nước thải; hút bùn, cặn tại bể tự hoại, để đảm bảo dung tích lưu chứa nước thải và nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý nước thải trước khi đấu nối.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát công tác thu gom, lưu chứa nước thải tại nhà máy đảm bảo đường ống dẫn và công trình lưu chứa nước thải luôn luôn kín, không bị rò rỉ, không phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Trường hợp xảy ra sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN thì chủ dự án phải chủ động

đóng van xả nước thải ra hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN; thực hiện ngay công tác kiểm tra, rà soát để xác định nguyên nhân xảy ra sự cố và khẩn trương thực hiện các biện pháp khắc phục, thông báo về đơn vị tiếp nhận nước thải và Ban Quản lý Khu kinh tế để phối hợp hỗ trợ, giải quyết kịp thời.

❖ **Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý khí thải**

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến bụi, khí thải theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quạt, đường ống thu gom và thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý các nguồn bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyển giao.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Sử dụng đúng các loại nhiên liệu làm chất đốt cho lò sấy đã đăng ký trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở này.

- Trong quá trình hoạt động cơ sở, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải, Công ty phải tạm dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để tập trung xác định nguyên nhân và sửa chữa, khắc phục kịp thời.

4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

4.3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

Các công trình BVMT của dự án khi đi vào vận hành được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 4. 8. Tổng hợp các công trình BVMT của dự án

STT	Công trình/ Vị trí	Số lượng	Ghi chú
I	Các công trình xử lý nước thải		
1	Bể tự hoại	2	Đầu tư xây dựng mới
3	Bể xử lý nước thải	1	Đầu tư xây dựng mới
4	Điểm đầu nối nước thải	1	Tiếp tục sử dụng công trình hiện hữu
II	Công trình xử lý khí thải		

STT	Công trình/ Vị trí	Số lượng	Ghi chú
5	Hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi	2	Đầu tư xây dựng mới
6	Hệ thống xử lý bụi gỗ	1	Đầu tư xây dựng mới
III	Công trình lưu chứa CTR và CTNH		
8	Kho chứa chất thải rắn	1	Đầu tư xây dựng mới
9	Kho chứa chất thải nguy hại	1	Đầu tư xây dựng mới

(Nguồn: Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture)

4.3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường

Kế hoạch tổ chức thực hiện và tóm tắt dự toán kinh phí các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường mới của dự án như sau:

Bảng 4. 9. Kế hoạch tổ chức thực hiện và dự toán kinh phí các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường mới của dự án

STT	Công trình BVMT	số lượng	Chi phí (VNĐ/năm)	Kế hoạch thực hiện
1	Chi phí vận hành công trình BVMT(khí thải, nước thải, CTRTT, CTNH)	1	100.000.000	Hàng năm
2	Chi phí chi trả cho hợp đồng thu gom và xử lý chất thải	1	80.000.000	
3	Chi phí quan trắc định kỳ	1	30.000.000	
Tổng:			210.000.000	

(Nguồn: Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture)

Ghi chú: Chi phí trên chỉ mang tính chất tương đối trong quá trình lập dự toán.

4.3.3. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Dự án sẽ có 02 cán bộ quản lý chuyên trách về tất cả các vấn đề môi trường, an toàn lao động của nhà máy trong suốt giai đoạn vận hành, trình độ Đại học là kỹ sư hoặc cử nhân chuyên về lĩnh vực môi trường.

Ngoài ra, có đội ngũ cán bộ kỹ thuật làm việc, vận hành trực tiếp các công trình bảo vệ môi trường và xử lý chất thải của nhà máy bao gồm:

- + Vận hành, kiểm tra bể xử lý nước thải: 1 người.
- + Vận hành, kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý khí thải nhà xưởng: 1 người
- + Vận hành an toàn, kỹ thuật điện, cấp thoát nước, PCCC: 3 người.

CHƯƠNG V

PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án đầu tư “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây” được thực hiện với mục tiêu Sản xuất, lắp ráp các loại gỗ để tạo sản phẩm đồ gỗ nội và ngoại thất. Dự án nằm trong KCN Long Mỹ nên không thực hiện việc chiếm dụng đất và san lấp mặt bằng vì được xây dựng trên nền dự án trước đó. Ngoài ra, dự án thuộc dự án đầu tư nhóm III, không thuộc dự án khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải, dự án gây tổn thất, suy giảm đa dạng sinh học nên dự án không cần đưa ra phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG VI

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

6.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Mỹ, không xả ra môi trường do đó nước thải của dự án không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture sẽ ký hợp đồng dịch vụ thu gom xử lý nước thải tại Khu công nghiệp với đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Mỹ.

6.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh xây mới nằm ở phía Đông Bắc dự án.

- Nguồn 2: nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh tại nhà làm việc + Trung bày sản phẩm nằm ở phía Tây Bắc dự án.

- Nguồn 2: Nước thải sản xuất hệ thống phun sơn màng nước tại xưởng sản xuất của dự án.

6.1.2. Lưu lượng xả tối đa

Lưu lượng xả thải tối đa là 10m³/ngày.đêm.

6.1.3. Dòng nước thải

Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của dự án sau khi được xử lý tại bể xử lý nước thải sẽ được dẫn vào hố ga thu gom nước thải của KCN Long Mỹ.

6.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải theo QCVN 14:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp cụ thể như sau:

Bảng 6. 1. Giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2011/BTNMT, cột B
1	pH	-	5,5-9
2	BOD5 (20°C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
5	Phospho (tính theo P)	mg/l	6
6	Coliform	MPN/100 ml	5.000

6.1.5. Vị trí phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: tại hồ ga thu gom nước thải của KCN Long Mỹ có tọa độ: X = 1518742, Y = 595697 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 1080 15', múi chiều 30) (vị trí đầu nổi thể hiện trong bản vẽ quy hoạch thoát nước thải)

- Phương thức xả thải: tự chảy theo đường ống uPVC D150mm dẫn vào hồ ga thu gom nước thải của KCN Long Mỹ.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ ga thu gom nước thải của KCN Long Mỹ.

6.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải

6.2.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

❖ Đối với hoạt động phun sơn tại hệ thống phun sơn màng nước

- Nguồn 1: Khí thải từ ống thoát hơi số 1 tại hệ thống phun sơn màng nước số 1.
- Nguồn 2: Khí thải từ ống thoát hơi số 2 tại hệ thống phun sơn màng nước số 1.
- Nguồn 3: Khí thải từ ống thoát hơi số 3 tại hệ thống phun sơn màng nước số 1.
- Nguồn 4: Khí thải từ ống thoát hơi số 1 tại hệ thống phun sơn màng nước số 2.
- Nguồn 5: Khí thải từ ống thoát hơi số 2 tại hệ thống phun sơn màng nước số 2.
- Nguồn 6: Khí thải từ ống thoát hơi số 3 tại hệ thống phun sơn màng nước số 2.

❖ Đối với xưởng chế biến gỗ

- Nguồn 7: Bụi từ công đoạn tạo phôi.
- Nguồn 8: Bụi từ công đoạn định hình.
- Nguồn 9: Bụi từ công đoạn chà nhám.

6.2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa

❖ **Đối với hoạt động phun sơn tại hệ thống phun sơn màng nước**

- Dòng 1: Khí thải từ ống thoát hơi số 1 tại hệ thống phun sơn màng nước số 1, lưu lượng xả khí thải là 11.000 m³/giờ
- Dòng 2: Khí thải từ ống thoát hơi số 2 tại hệ thống phun sơn màng nước số 1, lưu lượng xả khí thải là 11.000 m³/giờ
- Dòng 3: Khí thải từ ống thoát hơi số 3 tại hệ thống phun sơn màng nước số 1, lưu lượng xả khí thải là 11.000 m³/giờ
- Dòng 4: Khí thải từ ống thoát hơi số 1 tại hệ thống phun sơn màng nước số 2, lưu lượng xả khí thải là 11.000 m³/giờ
- Dòng 5: Khí thải từ ống thoát hơi số 2 tại hệ thống phun sơn màng nước số 2, lưu lượng xả khí thải là 11.000 m³/giờ
- Dòng 6: Khí thải từ ống thoát hơi số 3 tại hệ thống phun sơn màng nước số 2, lưu lượng xả khí thải là 11.000 m³/giờ

❖ **Đối với xưởng chế biến gỗ**

- Dòng 7: Khí thải sau khi qua xử lý tại cyclone 1, lưu lượng xả khí thải là 12.500 m³/giờ
- Dòng 8: Khí thải sau khi qua xử lý tại cyclone 2, lưu lượng xả khí thải là 12.500 m³/giờ

6.2.3. Dòng khí thải

❖ **Đối với hoạt động phun sơn tại hệ thống phun sơn màng nước**

- Dòng 1: Khí thải từ ống thoát hơi số 1 tại hệ thống phun sơn màng nước số 1.
- Dòng 2: Khí thải từ ống thoát hơi số 2 tại hệ thống phun sơn màng nước số 1.
- Dòng 3: Khí thải từ ống thoát hơi số 3 tại hệ thống phun sơn màng nước số 1.
- Dòng 4: Khí thải từ ống thoát hơi số 1 tại hệ thống phun sơn màng nước số 2.
- Dòng 5: Khí thải từ ống thoát hơi số 2 tại hệ thống phun sơn màng nước số 2.
- Dòng 6: Khí thải từ ống thoát hơi số 3 tại hệ thống phun sơn màng nước số 2.

❖ **Đối với xưởng chế biến gỗ**

- Dòng 7: Khí thải sau khi qua xử lý tại cyclone 1.
- Dòng 8: Khí thải sau khi qua xử lý tại cyclone 2.

6.2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

❖ **Đối với hoạt động phun sơn tại hệ thống phun sơn màng nước**

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải 01-06.

Bảng 6. 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải 01-06

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp=1; Kv=1)	QCVN 20:2009/BTNMT
1	Bụi	mg/Nm ³	200	-
2	Toluen	mg/Nm ³	-	750
3	Benzen	mg/Nm ³	-	5

❖ **Đối với xưởng chế biến gỗ**

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải 07-08.

Bảng 6. 3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải 07-08

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp=1; Kv=1)
1	Bụi	mg/Nm ³	200
2	Lưu lượng	m ³ /giờ	-

6.2.5. Vị trí phương thức xả khí thải

Vị trí xả khí thải: Tọa độ vị trí xả khí thải của dự án như sau:

Bảng 6. 4. Vị trí tọa độ xả khí thải của dự án

STT	Dòng thải	Tọa độ vị trí xả khí thải	
		X (m)	Y (m)
1	Dòng thải 1	1518668	595760
2	Dòng thải 2	1518668	595761
3	Dòng thải 3	1518669	595762

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Dự án “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây”*

4	Dòng thải 4	1518671	595764
5	Dòng thải 5	1518672	595765
6	Dòng thải 6	1518673	595766
7	Dòng thải 7	1518706	595858
8	Dòng thải 8	1518706	595858

Ghi chú: hệ tọa độ VN-2000; kinh tuyến trực 108⁰15’; múi chiều 3 độ.

Phương thức xả thải: xả thải gián đoạn theo thời gian hoạt động sản xuất 8 giờ/ngày.

6.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

6.3.1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động tạo phôi.
- Nguồn số 2: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động cắt định hình.
- Nguồn số 3: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động lắp ráp.
- Nguồn số 4: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động chà nhám.

6.3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất đảm bảo đáp ứng theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung , cụ thể như sau:

Bảng 6. 5. Giá trị giới hạn tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ			
1	70	55	-	QCVN 26:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

Bảng 6. 6. Giá trị giới hạn tiếng rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
----	--	----------------------------	-------------------	---------

	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ			
1	70	60	-	QCVN 27:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

6.3.3. Vị trí phát sinh tiếng ồn

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động tạo phôi, có tọa độ: X = 1518659; Y = 595819 (hệ tọa độ VN-2000; kinh tuyến trực 108015'; múi chiều 3 độ).

- Nguồn số 2: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động cắt định hình, có tọa độ: X = 1518666; Y = 595810 (hệ tọa độ VN-2000; kinh tuyến trực 108015'; múi chiều 3 độ).

- Nguồn số 3: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động lắp ráp, có tọa độ: X = 1518659; Y = 595785 (hệ tọa độ VN-2000; kinh tuyến trực 108015'; múi chiều 3 độ).

- Nguồn số 4: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động chà nhám, có tọa độ: X = 1518683; Y = 595813 (hệ tọa độ VN-2000; kinh tuyến trực 108015'; múi chiều 3 độ).

CHƯƠNG VII

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

7.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

Công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm của dự án là bể tự hoại (quy định tại khoản 13, Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

Các công trình xử lý chất thải phải thực hiện vận hành thử nghiệm của dự án gồm: hệ thống xử lý bụi gỗ; hệ thống xử lý bụi, khí thải của 02 hệ thống phun sơn màng nước (quy định tại khoản 13, Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

7.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Theo khoản 13, Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đối với các dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn quy định tại cột 3 Phụ II ban hành kèm theo Nghị định này, nên chủ cơ sở tự quyết định và chịu trách nhiệm trong thời gian vận hành thử nghiệm, nhưng không quá 06 tháng và phải đảm bảo đánh giá được hiệu quả của các công trình xử lý chất thải theo quy định.

Trên cơ sở quy mô, công suất hoạt động và các công trình, thiết bị xử lý chất thải của cơ sở, cơ sở lựa chọn thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở là 03 tháng (từ ngày 03/03/2025 đến ngày 03/6/2025). Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 7. 1. Kế hoạch dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở

Stt	Hạng mục	Quy mô	Thời gian vận hành giai đoạn điều chỉnh hiệu quả xử lý	Thời gian vận hành ổn định
1	Hệ thống xử lý bụi gỗ	25.000 m ³ /giờ	03/4/2025 – 03/6/2025	03/6/2025 – 03/7/2025
2	Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ hệ	33.000 m ³ /giờ	03/6/2025	

Stt	Hạng mục	Quy mô	Thời gian vận hành giai đoạn điều chỉnh hiệu quả xử lý	Thời gian vận hành ổn định
	thống phun sơn màng nước 1			
	Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ hệ thống phun sơn màng nước 2	33.000 m3/giờ		

7.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

❖ **Thời gian dự kiến lấy mẫu**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, vì dự án thuộc dự án đầu tư nhóm III nên việc quan trắc chất thải sẽ do chủ dự án đầu tư quyết định và đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (03 mẫu bụi, khí thải đầu ra).

Bảng 7. 2. Thời gian dự kiến lấy mẫu

Giai đoạn lấy mẫu	Công trình, thiết bị xử lý	Lần lấy mẫu	Loại mẫu	Thời gian lấy mẫu
Giai đoạn vận hành ổn định	ống thoát khí số 1 đầu ra của hệ thống phun sơn màng nước số 1	Lần 1	Mẫu đơn đầu ra của hệ thống xử lý khí thải	15/6/2025
		Lần 2		16/6/2025
		Lần 3		17/6/2025
	ống thoát khí số 2 đầu ra của hệ thống phun sơn màng nước số 1	Lần 1	Mẫu đơn đầu ra của hệ thống xử lý khí thải	15/6/2025
		Lần 2		16/6/2025
		Lần 3		17/6/2025
	ống thoát khí số 3 đầu ra của hệ thống	Lần 1	Mẫu đơn đầu ra của hệ thống xử lý khí thải	15/6/2025
		Lần 2		16/6/2025
		Lần 3		17/6/2025

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Dự án “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây”*

Giai đoạn lấy mẫu	Công trình, thiết bị xử lý	Lần lấy mẫu	Loại mẫu	Thời gian lấy mẫu
	phun sơn màng nước số 1			
	ống thoát khí số 1 đầu ra của hệ thống phun sơn màng nước số 2	Lần 1	Mẫu đơn đầu ra của hệ thống xử lý khí thải	15/6/2025
		Lần 2		16/6/2025
		Lần 3		17/6/2025
	ống thoát khí số 2 đầu ra của hệ thống phun sơn màng nước số 2	Lần 1	Mẫu đơn đầu ra của hệ thống xử lý khí thải	15/6/2025
		Lần 2		16/6/2025
		Lần 3		17/6/2025
	ống thoát khí số 3 đầu ra của hệ thống phun sơn màng nước số 2	Lần 1	Mẫu đơn đầu ra của hệ thống xử lý khí thải	15/6/2025
		Lần 2		16/6/2025
		Lần 3		17/6/2025
	ống thoát khí của cyclone 1	Lần 1	Mẫu đơn đầu ra của hệ thống xử lý khí thải	15/6/2025
		Lần 2		16/6/2025
		Lần 3		17/6/2025
	ống thoát khí của cyclone 2	Lần 1	Mẫu đơn đầu ra của hệ thống xử lý khí thải	15/6/2025
		Lần 2		16/6/2025
		Lần 3		17/6/2025

❖ **Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải**

- Vị trí lấy mẫu:

Bảng 7. 3. Vị trí lấy mẫu khí thải của dự án

STT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
1	ống thoát khí số 1 đầu ra của hệ thống phun sơn màng nước số 1	1518668	595760
2	ống thoát khí số 2 đầu ra của hệ thống phun sơn màng	1518668	595761

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Dự án “Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây”*

STT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
	nước số 1		
3	ống thoát khí số 3 đầu ra của hệ thống phun sơn màng nước số 1	1518669	595762
4	ống thoát khí số 1 đầu ra của hệ thống phun sơn màng nước số 2	1518671	595764
5	ống thoát khí số 2 đầu ra của hệ thống phun sơn màng nước số 2	1518672	595765
6	ống thoát khí số 3 đầu ra của hệ thống phun sơn màng nước số 2	1518673	595766
7	ống thoát khí của cyclone 1	1518706	595858
8	ống thoát khí của cyclone 2	1518706	595858

Ghi chú: hệ tọa độ VN-2000; kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$; múi giờ 3 độ.

- Thông số quan trắc:

+ Đối với vị trí lấy mẫu từ 1 - 6: Bụi, benzen, toluen.

+ Đối với vị trí lấy mẫu từ 7-8: Bụi, lưu lượng.

- Tần suất lấy mẫu: 01 lần/ngày trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định

- Quy chuẩn áp dụng so sánh:

+ Đối với vị trí lấy mẫu từ 1 - 6: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=1; Kv=1

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

+ Đối với vị trí lấy mẫu từ 7-8: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=1; Kv=1 -

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Tổ chức có đủ điều kiện dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch đo, lấy mẫu quan trắc chất thải:

- + Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Bình Định.
- + Trung tâm Phân tích và đo lường chất lượng Bình Định.

7.2. Chương trình quan trắc chất thải

Căn cứ Điều 98 và Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và lưu lượng xả khí thải của cơ sở nhỏ hơn 50.000 m³/giờ, do đó, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc chất thải tự động, liên tục và quan trắc định kỳ.

7.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Hàng năm doanh nghiệp dành một phần kinh phí trong tổng vốn kinh doanh, sản xuất để đầu tư cho mục đích bảo vệ và cải tạo môi trường theo quy định, trong sự hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường các cấp.

Theo định kỳ 06 tháng/lần cơ sở sẽ thực hiện đánh giá bổ sung để cơ quan quản lý nhà nước về môi trường theo dõi diễn biến việc phát sinh ô nhiễm trong từng thời kỳ.

Kinh phí đầu tư cho môi trường hàng năm khoảng 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng Việt Nam, dùng để thực hiện quan trắc môi trường, lập và viết báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ đầu tư Dự án xin cam kết tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Cam kết xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan. Cụ thể:

- Tuân thủ đúng Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định của Nhà Nước Việt Nam liên quan đến vấn đề an toàn vệ sinh môi trường;

- Cam kết thu gom và xử lý nước thải được thu gom và xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp.

- Thu gom và xử lý bụi phát sinh từ các công đoạn sản xuất qua hệ thống xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, $K_v=1$; $K_p=1$ và QCVN 20:2009 - Quy chuẩn về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ trước khi xả thải ra môi trường;

- Thực hiện các biện pháp khống chế tiếng ồn, độ rung sinh ra trong suốt quá trình hoạt động đạt QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải như sự cố cháy nổ, an toàn lao động.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu ô nhiễm, các biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó khi sự cố môi trường xảy ra, các biện pháp an toàn lao động.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã trình bày tại báo cáo.

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

+ Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, Giới hạn tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, không xả thải trực tiếp ra môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án;

+ Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể công trình xử lý nhằm kịp thời phát hiện, khắc phục các sự cố tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

+ Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Cam kết thường xuyên kế hoạch bảo trì thiết bị phòng chống cháy nổ, PCCC;

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, các công trình bảo vệ môi trường, theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống. Chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống. Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Chủ dự án cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án. Đồng thời cam kết sẽ đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam hiện hành và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3702779833

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 06 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 08 tháng 02 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HUNG THỊNH FURNITURE
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG THINH FURNITURE COMPANY
LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

522/A tổ 4, Khu phố 3, Phường Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 09496669399

Fax:

Email: account2@hungthinhfur.com

Website:

3. Vốn điều lệ

9.900.000.000 đồng

Bằng chữ: Chín tỷ chín trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/08/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 087090008992

Ngày cấp: 28/06/2021

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành
chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: S46, Khu phố Hòa Long, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: S46, Khu phố Hòa Long, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty kiểm giám đốc

Sinh ngày: 13/08/1990 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 087090008992

Ngày cấp: 28/06/2021

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành
chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: S46, Khu phố Hòa Long, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận
An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: S46, Khu phố Hòa Long, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

TRƯỜNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thanh Xuân

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 3702779833-001

Đăng ký lần đầu, ngày 24 tháng 04 năm 2024

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH HÙNG THỊNH FURNITURE

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Lô AI-13, KCN Long Mỹ, Xã Phước Mỹ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0949669399

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/08/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 087090008992

Ngày cấp: 28/06/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: S46, Khu phố Hòa Long, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: S46, Khu phố Hòa Long, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH HÙNG THỊNH FURNITURE

Mã số doanh nghiệp: 3702779833

Địa chỉ trụ sở chính: 522/A tổ 4, Khu phố 3, Phường Hội Nghĩa, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam



Nguyễn Thế Vũ

Số: 434/QĐ-BQL

QUYẾT ĐỊNH
CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ
(Cấp lần đầu: ngày 25 tháng 12 năm 2023)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture nộp ngày 19/12/2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư: Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702779833 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/6/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/02/2023.

Địa chỉ trụ sở: 522/A tổ 4, Khu phố 3, phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0949669399



2. Tên dự án: Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây.

3. Mục tiêu dự án: sản xuất đồ gỗ nội, ngoại thất; gia công cơ khí và sản xuất sản phẩm từ plastic.

4. Quy mô dự án:

- Đan nhựa giả mây: 15.000 bộ sản phẩm/năm.
- Gia công cơ khí phục vụ đan nhựa giả mây (có công đoạn phun phủ sơn): 200 tấn sản phẩm/năm.
- Gỗ: 500 m³ sản phẩm/năm.

5. Vốn đầu tư của dự án: 24.000.000.000 (Hai mươi bốn) đồng.

- Vốn góp để thực hiện dự án: 9.000.000.000 (Chín tỷ) đồng.

- Vốn huy động: 15.000.000.000 (Mười lăm tỷ) đồng.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư lần đầu đến 31/12/2048.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Lô AI-13, KCN Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

- Diện tích đất: 16.511 m²

8. Tiến độ thực hiện dự án:

a. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp (Tiến độ, tỷ lệ và phương thức góp vốn):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture	9.000.000.000	376.333	100	tiền mặt	Quý IV/2023 - Quý II/2024
Tổng		9.000.000.000	376.333	100		

- Vốn huy động dự án: 15.000.000.000 đồng, tiến độ dự kiến: Quý IV/2023 - Quý IV/2024.

b. Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

- Tháng 12/2023 - 4/2024: thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định.

- Tháng 5/2024 - 12/2024: sửa chữa, xây dựng; mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị và đưa dự án đi vào hoạt động.

9. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng: Theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, quy mô, nội dung, tiến độ cam kết và các quy định tại Quyết định này; tuân thủ các quy định pháp luật về xây dựng, đất đai, môi trường, phòng cháy chữa cháy, lao động, đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

2. Sau 12 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan quản lý đầu tư và không có lý do chính đáng sẽ bị thu hồi chủ trương đầu tư.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thời điểm có hiệu lực của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Trưởng Phòng Quản lý Đầu tư, các phòng, ban liên quan và Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture và một bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TN&MT, XD, TC, CT;
- UBND TP Quy Nhơn;
- Cty CP ĐT và XD Bình Định;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng: QLQH XD, QLTNMT, QLDN, VPĐD;
- Lưu: VT, P.QLĐT.

[Handwritten signature]

TRƯỞNG BAN



Đặng Vĩnh Sơn

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2199124012809

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702779833 ngày 08/02/2023
do Phòng ĐKKD - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp
Địa chỉ trụ sở chính: 522/A Tổ 4, khu phố 3, phường Hội Nghĩa, TP. Tân Uyên, tỉnh
Bình Dương

DG 278733

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- Thửa đất số: -/-, tờ bản đồ số: -/-
- Địa chỉ: Lô AI-13 KCN Long Mỹ, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Diện tích: 16.511m², (Bằng chữ: Mười sáu nghìn năm trăm mười một mét vuông),
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,
- Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp (xây dựng Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây)
- Thời hạn sử dụng: đến hết ngày 31/12/2048,
- Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định.

2. Nhà ở:

-/-

3. Công trình xây dựng khác:

Loại công trình: Nhà máy chế biến gỗ, đan nhựa giả mây

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sử dụng	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà làm việc	152,8	152,8	Sử dụng riêng	4	-/-
Xưởng sản xuất kim loại	1.625,2	1.625,2	Sử dụng riêng	3	-/-
Nhà bảo vệ số 2	9,9	9,9	Sử dụng riêng	4	-/-
Xưởng sản xuất mousse số 1	593,5	593,5	Sử dụng riêng	4	-/-
Nhà vệ sinh công nhân	25,4	25,4	Sử dụng riêng	4	-/-
Xưởng sản xuất mousse số 2	314,8	314,8	Sử dụng riêng	4	-/-
Nhà để xe nhân viên	39,3	39,3	Sử dụng riêng	4	-/-
Cụm Xưởng sản xuất bàn ghế + Mái che hành lang đường bộ	6.464,0	6.464,0	Sử dụng riêng	3	-/-
Nhà bảo vệ số 1	12,1	12,1	Sử dụng riêng	4	-/-
Nhà để xe công nhân	79,1	79,1	Sử dụng riêng	4	-/-
Nhà trưng bày sản phẩm	569,7	569,7	Sử dụng riêng	4	-/-
Kho dụng cụ	480,0	480,0	Sử dụng riêng	4	-/-
Nhà tập kết chất thải rắn	30,0	30,0	Sử dụng riêng	4	-/-
Mái che xưởng SX mousse	207,8	207,8	Sử dụng riêng	4	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng:

-/-

5. Cây lâu năm:

-/-

6. Ghi chú:

- GCN này thay thế GCN số vào sổ cấp GCN: CT05747 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 03/5/2017, được tách cấp từ GCN số vào sổ cấp GCN: T00412 do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 05/01/2006.
- Số hiệu thửa đất chưa được xác định theo bản đồ địa chính./

Bình Định, ngày 21 tháng 3 năm 2024

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH ĐỊNH

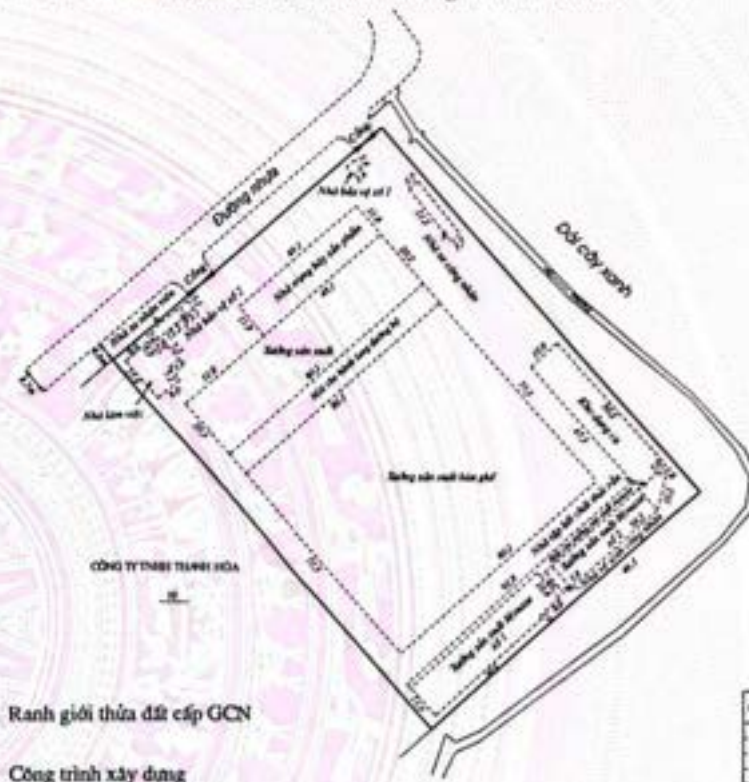
GIÁM ĐỐC



Đặng Hữu Bình

Số vào sổ cấp GCN: CT18539

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Ranh giới thửa đất cấp GCN

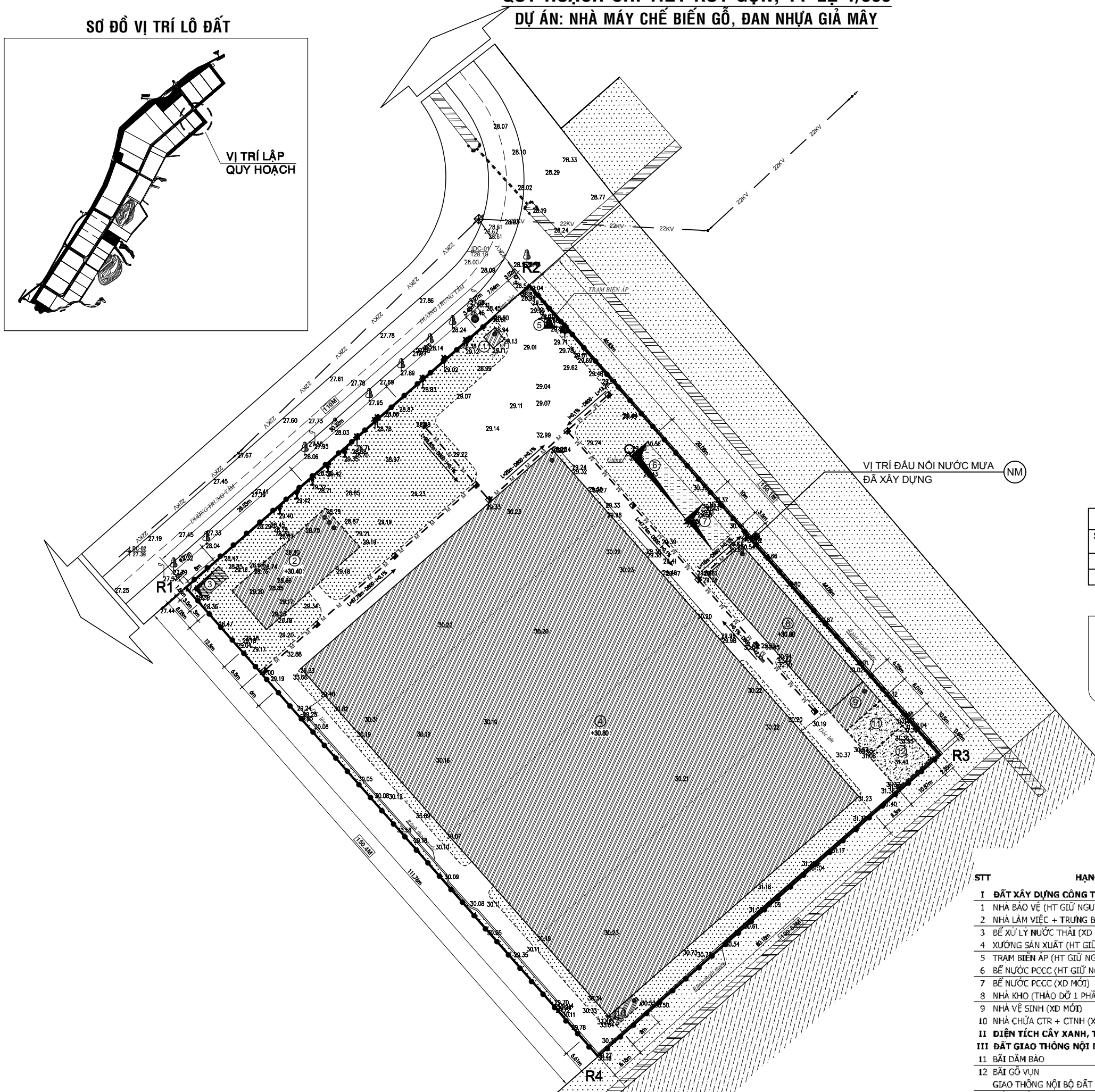
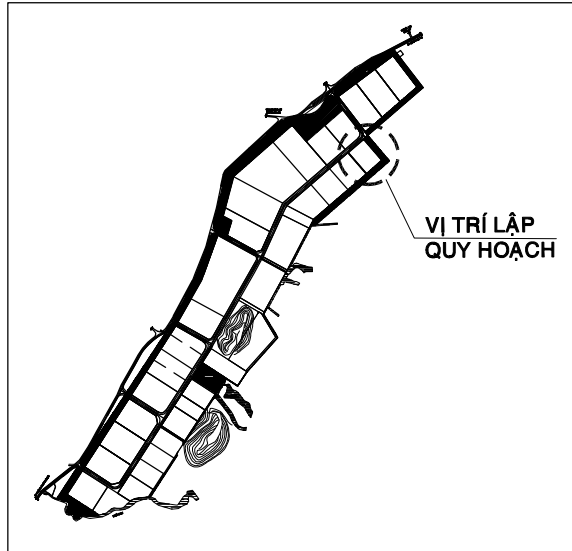
Công trình xây dựng

BẢNG KẾ	
Điểm	Chiều dài (m)
1-2	100,00
2-3	100,00
3-4	100,00
4-5	100,00

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LÔ ĐẤT



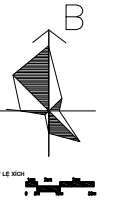
BẢNG KẾ KHỐI LƯỢNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA			
ST T	Tên loại	Số lượng	Đơn vị
1	Cống BTLT Ø600mm	237.86	m
2	Hố ga	13	Cái

- HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA TRONG KHU QUY HOẠCH ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO NGUYÊN TẮC TỰ CHẢY.

- NƯỚC MƯA PHÁT SINH TRÊN MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỢC THU GOM BẰNG HỆ THỐNG HỒ GÁ KẾT HỢP CÔNG BTLT ĐE00MM VÀ RẦNH THU NƯỚC MẶT HIỆN CÓ.

NƯỚC MƯA SAU THU GOM SẼ ĐÁU NỐI VÀO ĐIỂM ĐÁU NỐI (NM) PHÍA ĐÔNG BẮC MẶT BẰNG

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m²)	SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH SÀN (m²)	TỶ LỆ (%)
I	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	10.117,86	1-3	10.867,86	61,3%
1	NHÀ BẢO VỆ (HT GIỮ NGUYÊN)	12,25	1	12,25	0,1%
2	NHÀ LÀM VIỆC + TRƯỞNG BÀY SẢN PHẨM (XD MỚI)	375,00	3	1.125,00	2,3%
3	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (XD MỚI)	28,00	1	28,00	0,2%
4	XUỐNG SÀN XUẤT (HT GIỮ NGUYÊN)	8.965,00	1	8.965,00	54,3%
5	TRẠM BIẾN ÁP (HT GIỮ NGUYÊN)	3,00	1	3,00	0,0%
6	BỂ NƯỚC PCCC (HT GIỮ NGUYÊN)	108,85	1	108,85	0,7%
7	BỂ NƯỚC PCCC (XD MỚI)	55,00	1	55,00	0,3%
8	NHÀ KHO (THẢO DỐ 1 PHẦN)	478,82	1	478,82	2,9%
9	NHÀ VỆ SINH (XD MỚI)	67,94	1	67,94	0,4%
10	NHÀ CHỨA CTR + CTNH (XD MỚI)	24,00	1	24,00	0,1%
II	DIỆN TÍCH CÂY XANH, THÂM CỎ	3.302,37	-	-	20,00%
III	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ, ĐẤT TRỐNG	3.090,77	-	-	18,7%
11	BÃI DẪM BÀO	86,96			
12	BÃI GỖ VUN	114,15			
	GIAO THÔNG NỘI BỘ ĐẤT TRỐNG	2.889,66			
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	16.511,00	-	-	100,00%



	RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
	ĐẤT HẠNG MỤC HT GIỮ NGUYÊN
	ĐẤT HẠNG MỤC XÂY MÔI
	ĐẤT XÂY DỰNG BỂ NƯỚC
	ĐẤT XD BỂ XLNT
	ĐẤT CÂY XANH, THẨM CỎ HIỆN TRẠNG
	ĐẤT CÂY XANH, THẨM CỎ
	TRU ĐIỆN BTCT HIỆN CÓ
	TRAM BIẾN ÁP
	TẦNG CAO
21.00	CAO ĐỘ NỀN HIỆN TRẠNG
+30.80	CAO ĐỘ CÔNG TRÌNH
	TUYẾN THOÁT NƯỚC MƯA
$L=10m \cdot 0.000 \rightarrow 0.1\%$	ĐỘ DỐC, HƯỚNG TUYẾN
	HỖ GÁ THOÁT NƯỚC MƯA

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT :
BAN QUẢN LÝ KHU KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ : NGÀY THÁNG NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH
KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ: 120/TĐ-BQL NGÀY 09 THÁNG 10 NĂM 2024

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH HƯNG THỊNH FURNITURE
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ:/TT-HT NGÀY.....THÁNG 9 NĂM 2024

ĐỒ ÁN: QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG NÚT GỌN, TỶ LỆ 1/500
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ, ĐẠN NHỰA GIẢ MỸ

HÀ GIỚI THIỆU: LÔ A1-13, KCN LONG MỸ, XÃ PHƯỚC MỸ, THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

TÊN BẢN VẼ: QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC MƯA

04.09/11	1 x 11	TỔ 16.1500	ngày / 2004
----------	--------	------------	-------------

THIẾT KẾ - VẼ	KS. TRẦN QUANG	
---------------	----------------	--

CHỦ TRÌ	KTS. NGUYỄN DUY QUỐC	
---------	----------------------	--

CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN DUY QUỐC	
-----------	----------------------	--

QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS. ĐẶNG VĂN DUY	
------------------	------------------	--

© 2000 Blackwell Science Ltd

KS. ĐĂNG VĂN DUY

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG

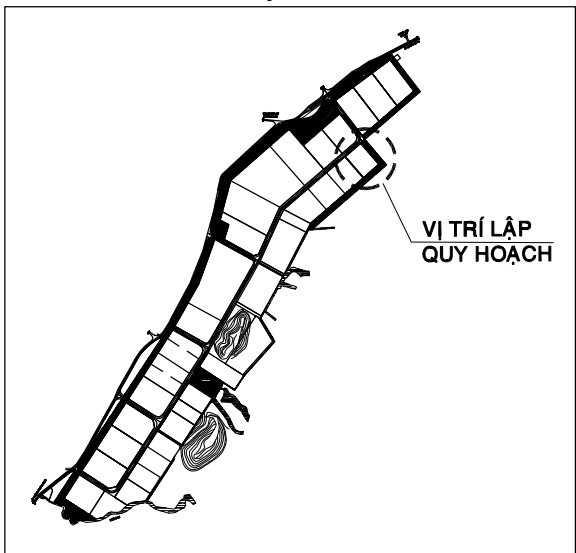
VI PHẢI

 **ĐẠI HỌC 21 VÀ CHÍNH THỐNG** TRƯỜNG MẦM NON T. BÌNH DƯƠNG. TEL : 0906.531.246

QUY HOẠCH CHI TIẾT RÚT GỌN, TỶ LỆ 1/500

DỰ ÁN: NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ, ĐẠN NHỰA GIẢ MÂY

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LÔ ĐẤT

VỊ TRÍ LẬP
QUY HOẠCH

NT

VỊ TRÍ ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI
ĐÃ XÂY DỰNG

BẢNG KẾ KHỐI LƯỢNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

STT	Tên loại	Số lượng	Đơn vị
1	uPVC Ø300mm	305	m

THUYẾT MINH KỸ THUẬT:

- HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI ĐƯỢC THIẾT KẾ RIÊNG BIỆT VỚI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA VÀ THEO HƯỚNG TỰ CHẢY
- NƯỚC THẢI SINH HOẠT PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HANG MỤC NHÀ LÀM VIỆC + TRƯNG BÀY SẢN PHẨM (2) VÀ NHÀ VỆ SINH (9) SẼ ĐƯỢC XỬ LÝ CỤC BỘ THÔNG QUA BỂ TỰ HOẠI ĐẶT DƯỚI MỖI HANG MỤC TRƯỚC KHI DẪN VỀ BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI ĐỂ XỬ LÝ.
- NƯỚC THẢI SẢN XUẤT PHÁT SINH TỪ NƯỚC GỈ CỦA BÃI DẮM BẢO (11), BÃI CHỨA GỖ Vụn (12) VÀ XƯỞNG SẢN XUẤT (4) SẼ ĐƯỢC THU GOM VỀ BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI ĐỂ XỬ LÝ.
- NƯỚC THẢI SINH HOẠT VÀ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT SAU XỬ LÝ TẠI BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẼ ĐƯỢC ĐẦU NỐI VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI CHUNG CỦA KCN THÔNG QUA ĐIỂM ĐẦU NỐI (NT) PHÍA TÂY BẮC MẶT BẰNG.
- HỆ THỐNG SỬ DỤNG ỐNG HPDE D300MM; BIỆN PHÁP XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẼ ĐƯỢC LÀM RÕ TRONG HỒ SƠ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m ²)	SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH SÀN (m ²)	TỶ LỆ (%)
I	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	10.117,86	1-3	10.867,86	61,3%
1	NHÀ BẢO VỆ (HT GIỮ NGUYÊN)	12,25	1	12,25	0,1%
2	NHÀ LÀM VIỆC + TRƯNG BÀY SẢN PHẨM (XD MỚI)	375,00	3	1.125,00	2,3%
3	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (XD MỚI)	28,00	1	28,00	0,2%
4	XƯỞNG SẢN XUẤT (HT GIỮ NGUYÊN)	8.965,00	1	8.965,00	54,3%
5	TRẠM BIẾN ÁP (HT GIỮ NGUYÊN)	3,00	1	3,00	0,0%
6	BỂ NƯỚC PCCC (HT GIỮ NGUYÊN)	108,85	1	108,85	0,7%
7	BỂ NƯỚC PCCC (XD MỚI)	55,00	1	55,00	0,3%
8	NHÀ KHO (THẢO DÕI 1 PHÂN)	478,82	1	478,82	2,9%
9	NHÀ VỆ SINH (XD MỚI)	67,94	1	67,94	0,4%
10	NHÀ CHỨA CTR + CTNH (XD MỚI)	24,00	1	24,00	0,1%
II	DIỆN TÍCH CÂY XANH, THẨM CẢ	3.302,37	-		20,00%
III	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ, ĐẤT TRỒNG	3.090,77	-		18,7%
11	BÃI DẮM BẢO	86,96			
12	BÃI GỖ Vụn	114,15			
	GIAO THÔNG NỘI BỘ ĐẤT TRỒNG	2.889,66			
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	16.511,00	-		100,00%



KÝ HIỆU:

- — — RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- ĐẤT HANG MỤC HT GIỮ NGUYÊN
- ĐẤT HANG MỤC XÂY MÔI
- ĐẤT XÂY DỰNG BỂ NƯỚC
- ĐẤT XD BỂ XLNT
- ĐẤT CÂY XANH, THẨM CẢ HIỆN TRẠNG
- ĐẤT CÂY XANH, THẨM CẢ
- TRỤ ĐIỆN BTCT HIỆN CÓ
- TRẠM BIẾN ÁP
- TẦNG CAO
- 21.00 CAO ĐỘ NỀN HIỆN TRẠNG
- +30.80 CAO ĐỘ CÔNG TRÌNH
- c — c — TUYẾN THOÁT NƯỚC THẢI
- L=10m - D=0,01% ĐỘ DỐC, HƯỚNG TUYẾN

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

BAN QUẢN LÝ KHU KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

BAN QUẢN LÝ KHU KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ: 1207B-BQL NGÀY 09 THÁNG 10 NĂM 2024

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH HÙNG THỊNH FURNITURE

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ:/TT-VT NGÀY THÁNG 9 NĂM 2024

ĐỒ ÁN:

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG RÚT GỌN, TỶ LỆ 1/500

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ, ĐẠN NHỰA GIẢ MÂY

MÀ BẰNG SỐ: LQ-A-13, 1201 LUNG MỸ, XÃ PHƯỚC MỸ, THỊ XÃ PHƯỚC MỸ, THỊ XÃ PHƯỚC MỸ, THỊ XÃ PHƯỚC MỸ

TÊN BẢN VẼ:

QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC THẢI

OH: 10/11 1 x A1 TỶ LỆ: 1:500 NGÀY:/...../2024

THIẾT KẾ - VẼ: KS. TRẦN QUANG

CHỦ TRÌ: KTS. NGUYỄN DUY QUỐC

CHỖ NHIỆM: KTS. NGUYỄN DUY QUỐC

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. ĐẶNG VĂN DUY

GIÁM ĐỐC

KS. ĐẶNG VĂN DUY

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG

VỊ PHẤT

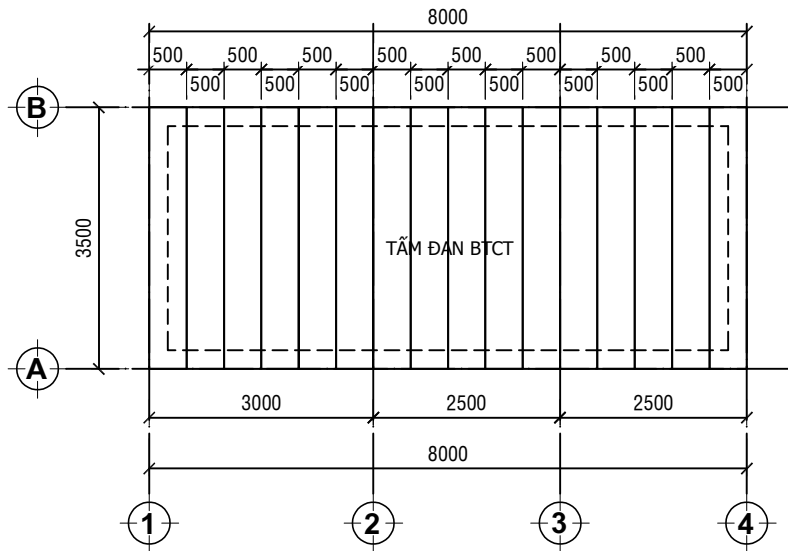
ĐỊA CHỈ: 31 LÝ CHÍNH THẮNG, TP. QUY NHƠN, T. BÌNH ĐỊNH, TEL: 0903 831 268

HỒ SƠ THIẾT KẾ

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ, ĐAN NHỰA GIẢ MÂY

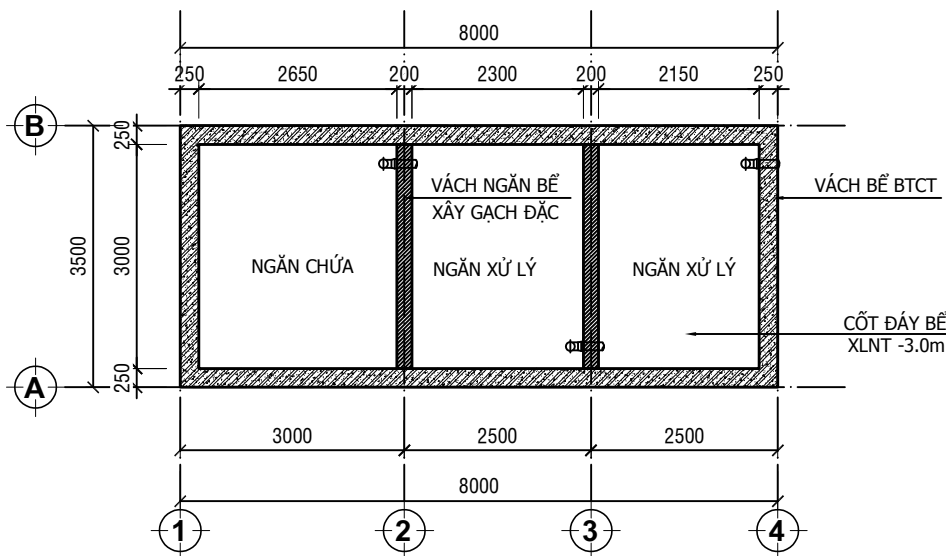
ĐỊA ĐIỂM: LÔ AI-13, KCN LONG MỸ, TP. QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

HẠNG MỤC: BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI



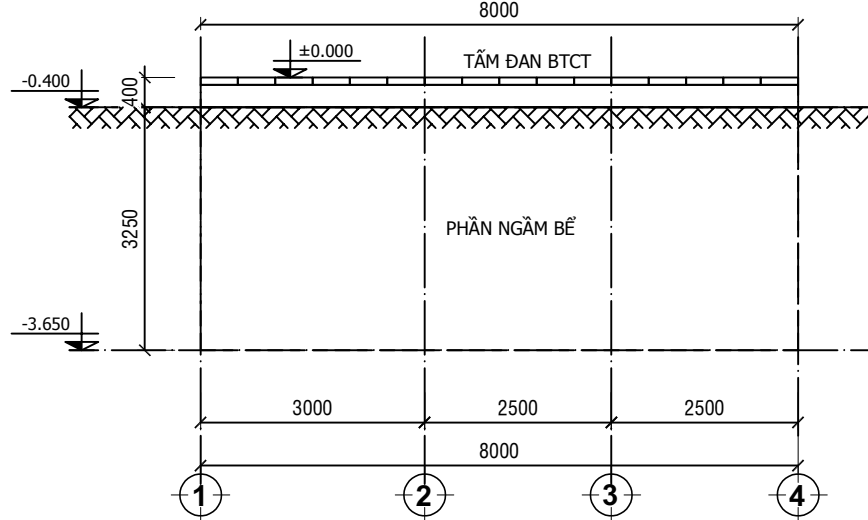
MẶT BẰNG NẮP BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TL: 1/100



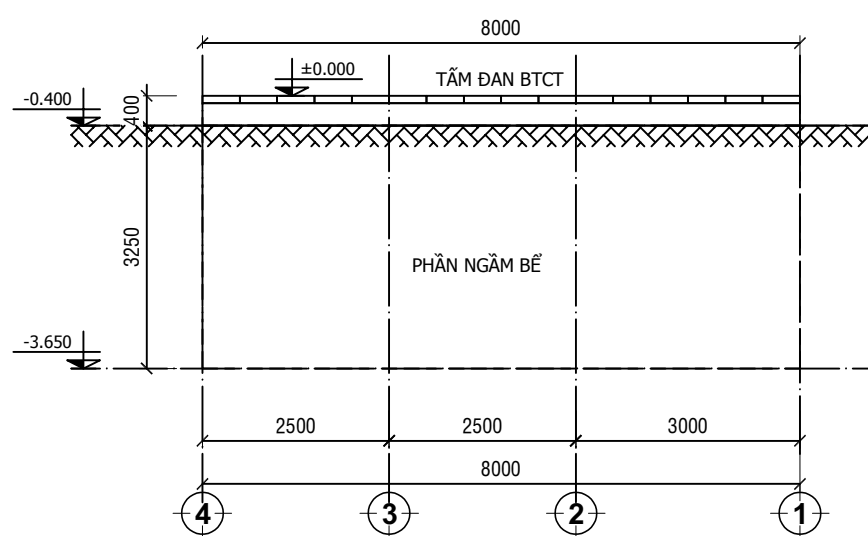
MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TL: 1/100



MẶT ĐỨNG TRỤC 1-4

TL: 1/100



MẶT ĐỨNG TRỤC 4-1

TL: 1/100

CÔNG TRÌNH:

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ, ĐÀN NHỰA GIÁ MỸ

HẠNG MỤC:

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

LÔ A1-13, KCN LONG MỸ, TP. QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG VÀ MẶT ĐỨNG
BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

SỐ BẢN VẼ

KT - 01

NGÀY PHÁT HÀNH

12/2024

THÔNG TIN CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH HƯNG THỊNH FURNITURE

Địa chỉ thường trú: 522/A tổ 4, Khu phố 3, Phường Hội Nghĩa, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Tel: _____

NGƯỜI DUYỆT:

ÔNG. NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

THE DESIGNER

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG

VĨ PHÁT

VIPHAT CONSTRUCTION

Địa chỉ: 31 Lý Chính Thắng, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định

Tel: 0906 531 246

Email: viphat2020@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. ĐĂNG VĂN DUY

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

THS.Kts NGUYỄN NỮ HOÀNG ANH

THIẾT KẾ + VẼ

KS. NGUYỄN NGỌC NAM

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☒ TRÌNH DUYỆT

☒ XIN PHÉP

☐ THI CÔNG

☐ BẢO GIÁ

☐ HOÀN CÔNG

GHI CHÚ

- Đơn vị sử dụng trong bản vẽ là mm.
- Không dùng thước đo kích thước trên bản vẽ.
- Tất cả kích thước phải đối chiếu thực tế.

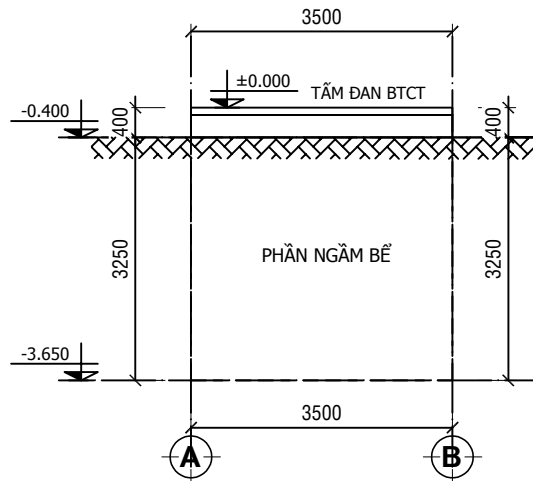
SỐ HIỆU DỰ ÁN:

LẦN HIỆU CHỈNH:

01

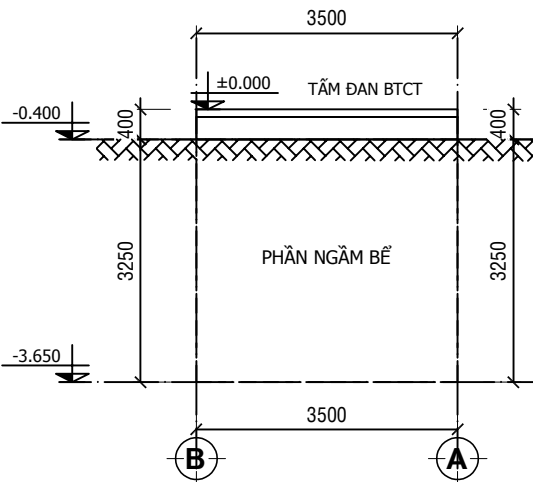
NGÀY HIỆU CHỈNH:

KHÔNG



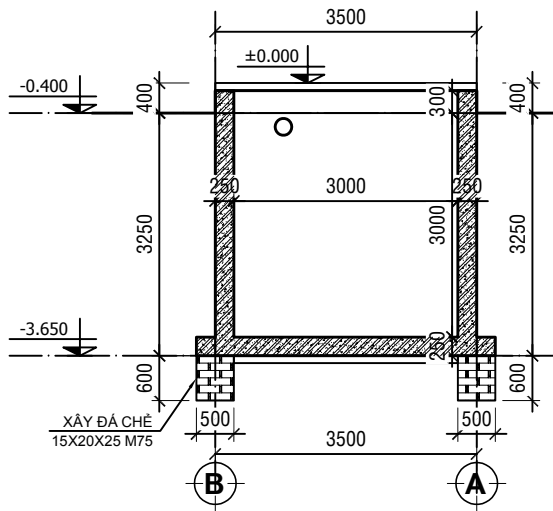
MẶT ĐỨNG TRỤC A-B

TL: 1/100



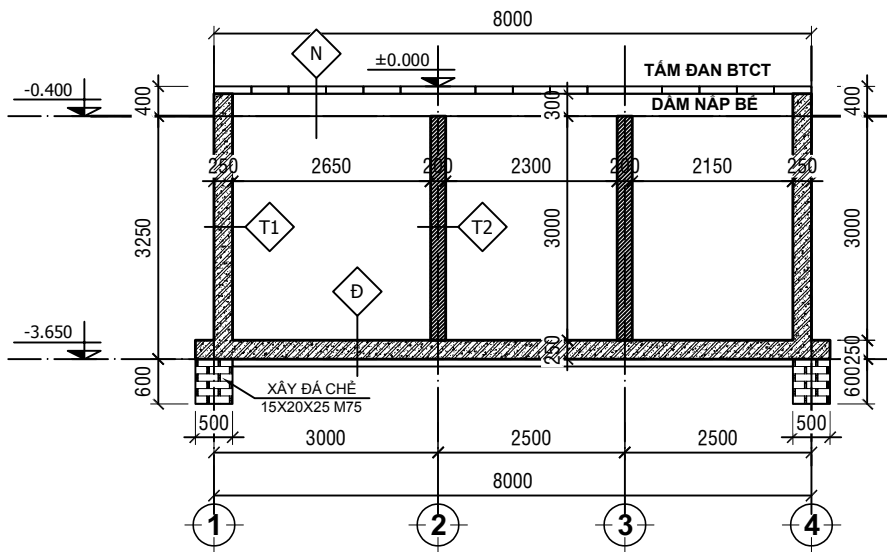
MẶT ĐỨNG TRỤC B-A

TL: 1/100



MẶT CẮT A-A

TL: 1/100



MẶT CẮT B-B

TL: 1/100

T1
QUÉT CHỐNG THẨM
LĂNG VỮA XM 75# DÀY 4cm
THÀNH BỂ BTCT ĐÁ 1x2 M250

T2
QUÉT CHỐNG THẨM
LĂNG VỮA XM 75# DÀY 4cm
VÁCH NGĂN BỂ XÂY GẠCH ĐẶC

Đ
QUÉT CHỐNG THẨM
LĂNG VỮA XM 75# DÀY 4cm
ĐÁY BỂ BTCT ĐÁ 1x2 M250
BT LÓT ĐÁ 4x6 M100, DÀY 100
LỚP ĐẤT TỰ NHIÊN, ĐÁM CHẶT

N
TẦM ĐÀN BTCT ĐÁ 1x2 M200
DẦM NÁP BTCT ĐÁ 1x2 M250

CÔNG TRÌNH:
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ, ĐẠN NHỰA GIÁ MỸ

HẠNG MỤC:
BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM:
LÔ AI-13, KCN LONG MỸ, TP. QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

TÊN BẢN VẼ:
**MẶT ĐỨNG VÀ MẶT CẮT
BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

SỐ BẢN VẼ	KT - 02
NGÀY PHÁT HÀNH	12/2024

THÔNG TIN CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH HƯNG THỊNH FURNITURE
Địa chỉ thường trú: 522/A tổ 4, Khu phố 3, Phường Hội Nghĩa, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Tel: _____

NGƯỜI DUYỆT:

ÔNG. NGUYỄN QUANG TRƯỜNG
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
THE DESIGNER

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
VĨ PHÁT
VIPHAT CONSTRUCTION

Địa chỉ: 31 Lý Chính Thắng, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định
Tel: 0906 531 246
Email: viphat2020@gmail.com

GIÁM ĐỐC

[Signature]

KS. ĐĂNG VĂN DUY

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

[Signature]

THS.Kts NGUYỄN NỮ HOÀNG ANH

THIẾT KẾ + VẼ

[Signature]

KS. NGUYỄN NGỌC NAM

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☒	TRÌNH DUYỆT
☒	XIN PHÉP
☐	THI CÔNG
☐	BẢO GIÁ
☐	HOÀN CÔNG

GHI CHÚ

- Đơn vị sử dụng trong bản vẽ là mm.
- Không dùng thước đo kích thước trên bản vẽ.
- Tất cả kích thước phải đối chiếu thực tế.

SỐ HIỆU DỰ ÁN:

LẦN HIỆU CHÍNH: 01

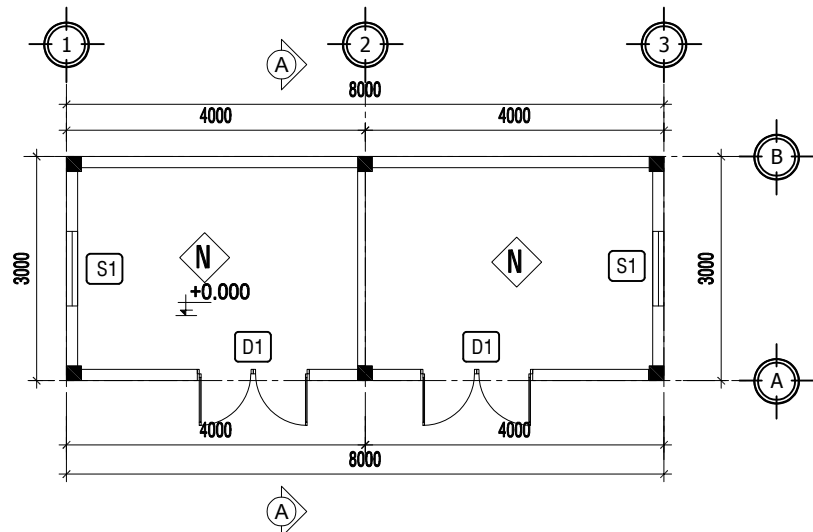
NGÀY HIỆU CHÍNH: KHÔNG

HỒ SƠ THIẾT KẾ

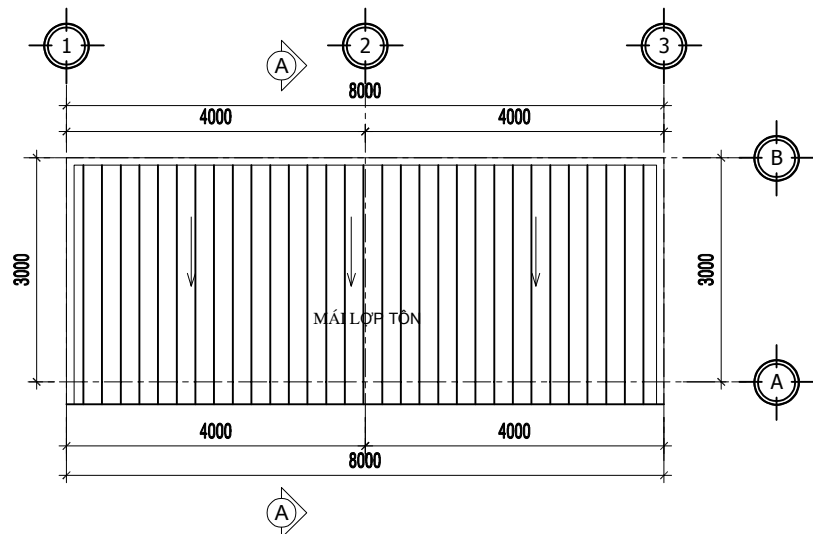
CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ, ĐAN NHỰA GIẢ MÂY

ĐỊA ĐIỂM: LÔ AI-13, KCN LONG MỸ, TP. QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

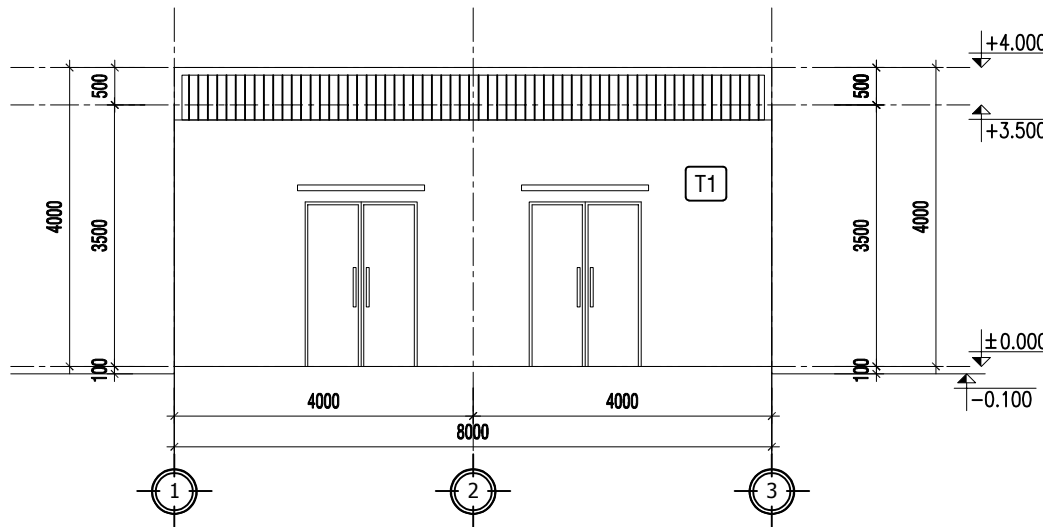
HẠNG MỤC: NHÀ CHỨA CTR + CTNH



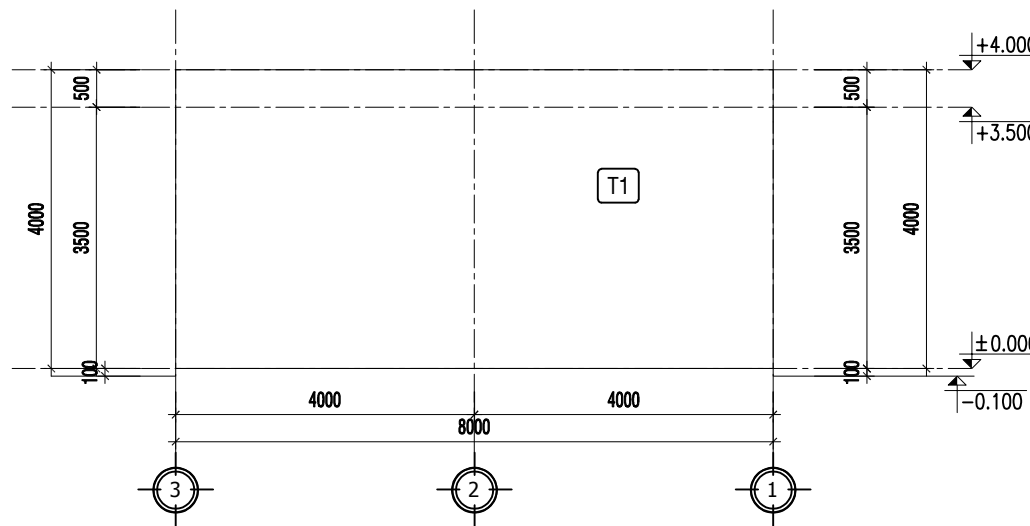
MẶT BẰNG TRỆT



MẶT BẰNG MÁI



MẶT ĐỨNG TRỰC 1-3



MẶT ĐỨNG TRỰC 3-1

QUÉT VÔI 1 NƯỚC LÓT, 2 NƯỚC MÀU
LỚP VXM TRÁT TƯỜNG M75, DÀY 1.5cm
TƯỜNG XÂY GẠCH VXM M75, DÀY 150

CÔNG TRÌNH:

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ, ĐÀN NHỰA GIÁ MỸ

HẠNG MỤC:

NHÀ CHỨA CTR + CTNH

ĐỊA ĐIỂM:

LÔ A1-13, KCN LONG MỸ, TP. QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG VÀ MẶT ĐỨNG

SỐ BẢN VẼ

KT-01

NGÀY PHÁT HÀNH

12/2024

THÔNG TIN CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH HƯNG THỊNH FURNITURE

Địa chỉ thường trú: 522/A tổ 4, Khu phố 3, Phường Hội

Nghĩa, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Tel: _____

NGƯỜI DUYỆT:

ÔNG. NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

THE DESIGNER

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG

VĨ PHÁT

VIPHAT CONSTRUCTION

Địa chỉ: 31 Lý Chính Thắng, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định

Tel: 0906 531 246

Email: viphat2020@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. ĐĂNG VĂN DUY

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

THS.Kts NGUYỄN NỮ HOÀNG ANH

THIẾT KẾ + VẼ

KS. NGUYỄN NGỌC NAM

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☒ TRÌNH DUYỆT

☒ XIN PHÉP

☐ THI CÔNG

☐ BẢO GIÁ

☐ HOÀN CÔNG

GHI CHÚ

- Đơn vị sử dụng trong bản vẽ là mm.

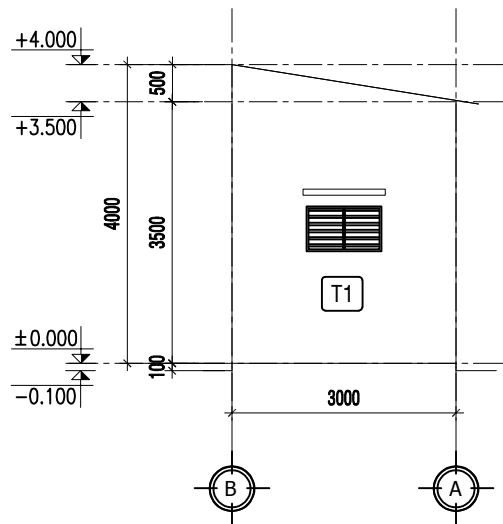
- Không dùng thước đo kích thước trên bản vẽ.

- Tất cả kích thước phải đối chiếu thực tế.

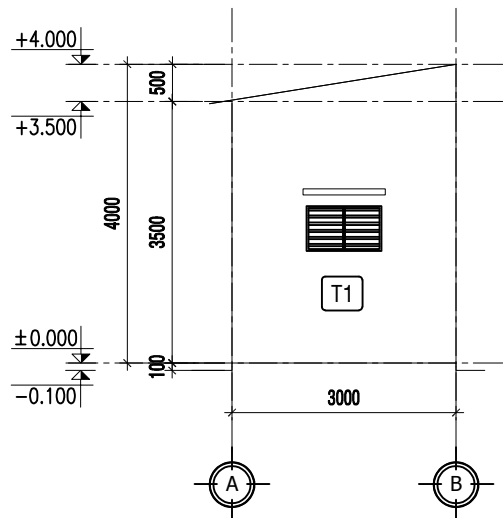
SỐ HIỆU DỰ ÁN:

LẦN HIỆU CHÍNH: 01

NGÀY HIỆU CHÍNH: KHÔNG



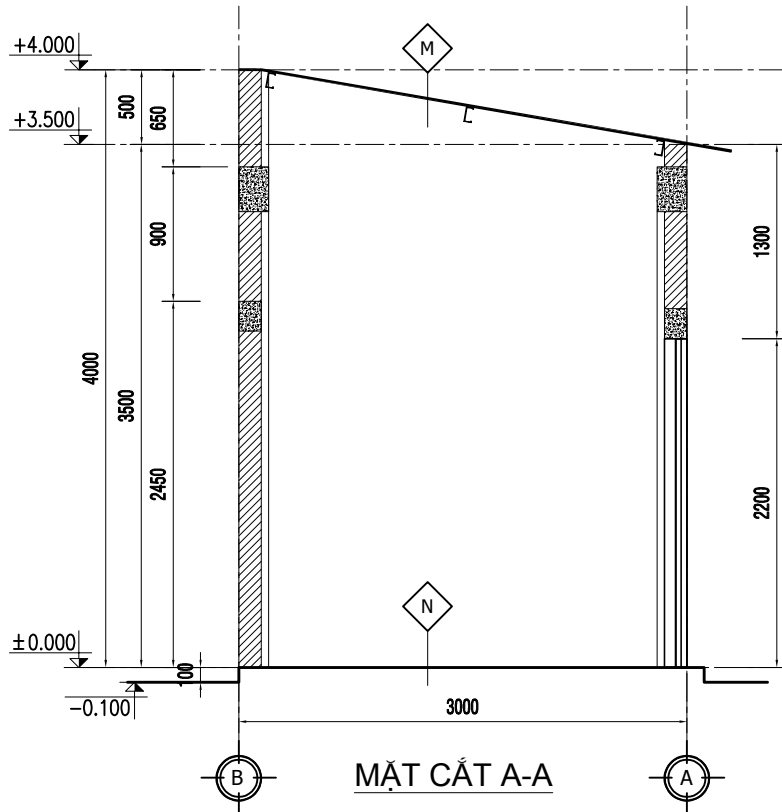
MẶT ĐỨNG TRỰC B-A



MẶT ĐỨNG TRỰC A-B

T1

QUÉT VÔI 1 NƯỚC LÓT, 2 NƯỚC MÀU
LỚP VXM TRÁT TƯỜNG M75, DÀY 1.5cm
TƯỜNG XÂY GẠCH VXM M75, DÀY 150



MẶT CẮT A-A

M	MÁI	N	NỀN
	MÁI LỢP TÔN 0,42mm		NỀN LÁT GẠCH.
	XÀ GỖ THÉP HỘP C50x100x15x2		LỚP VỮA LÓT MAC 75, D=20mm.
	TƯỜNG XÂY THU HỒI		NỀN BÊ TÔNG ĐÁ 4x6 MAC 100, D=100mm.
			LỚP ĐẤT PHA CÁT TÚI NƯỚC ĐẦM KỶ K=0.98.
			LỚP ĐẤT TỰ NHIÊN DỌN SẠCH.

LOẠI	Cửa đi	LOẠI	Cửa sổ
D1	Cửa	S1	Cửa sổ
KÍCH THƯỚC	1500X2200	KÍCH THƯỚC	1200 X 2000
SỐ LƯỢNG	02	SỐ LƯỢNG	02
Kiểu	CỬA MỞ BÀN LỀ 2 CÁNH	Kiểu	LAM BÊ TÔNG
VẬT LIỆU KHUNG	KHUNG SẮT	VẬT LIỆU KHUNG	BÊ TÔNG CỐT THÉP
HOÀN THIỆN/ KÍNH	TÔN	HOÀN THIỆN/ KÍNH	-
GHI CHÚ	THEO ĐẶC ĐIỂM NHÀ SẢN XUẤT	GHI CHÚ	-

CÔNG TRÌNH:

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ, ĐẠN NHỰA GIÁ MỸ

HẠNG MỤC:

NHÀ CHỨA CTR + CTNH

ĐỊA ĐIỂM:

LÔ AI-13, KCN LONG MỸ, TP. QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG VÀ MẶT ĐỨNG
CHI TIẾT CỬA

SỐ BẢN VẼ

KT-02

NGÀY PHÁT HÀNH

12/2024

THÔNG TIN CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH HƯNG THỊNH FURNITURE

Địa chỉ thường trú: 522/A tổ 4, Khu phố 3, Phường Hội Nghĩa, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Tel: _____

NGƯỜI DUYỆT:

ÔNG. NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

THE DESIGNER

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG



VĨ PHÁT

Địa chỉ: 31 Lý Chính Thắng, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định

Tel: 0906 531 246

Email: viphat2020@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. ĐẶNG VĂN DUY

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

THS.Kts NGUYỄN NỮ HOÀNG ANH

THIẾT KẾ + VẼ

KS. NGUYỄN NGỌC NAM

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☒ TRÌNH DUYỆT

☒ XIN PHÉP

☐ THI CÔNG

☐ BẢO GIÁ

☐ HOÀN CÔNG

GHI CHÚ

- Đơn vị sử dụng trong bản vẽ là mm.
- Không dùng thước đo kích thước trên bản vẽ.
- Tất cả kích thước phải đối chiếu thực tế.

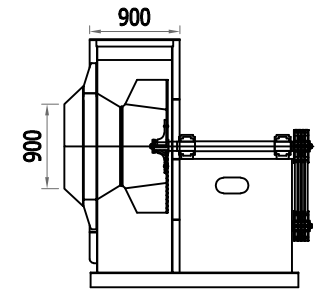
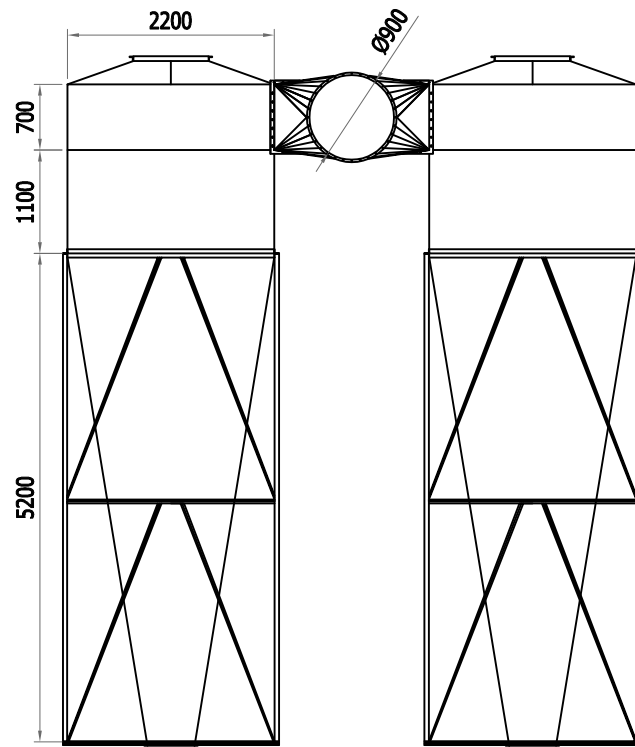
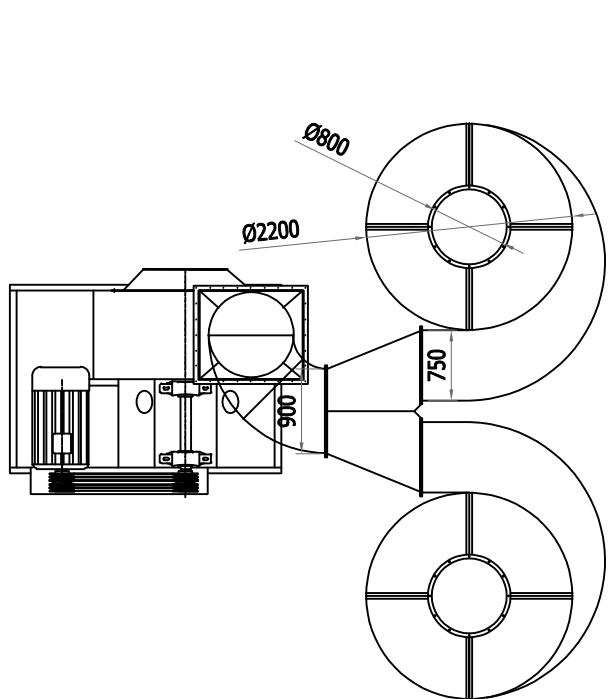
SỐ HIỆU DỰ ÁN:

LÀN HIỆU CHÍNH:

01

NGÀY HIỆU CHÍNH:

KHÔNG



CÔNG TY TNHH SXTM CƠ ĐIỆN BUI GIA PHÁT

Địa chỉ : Tổ 1 KP. Khánh Tân, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0978558055/0937806055

Email : ctbuigiaphat@gmail.com

CHECKED-BY : BUI THANH THƠM

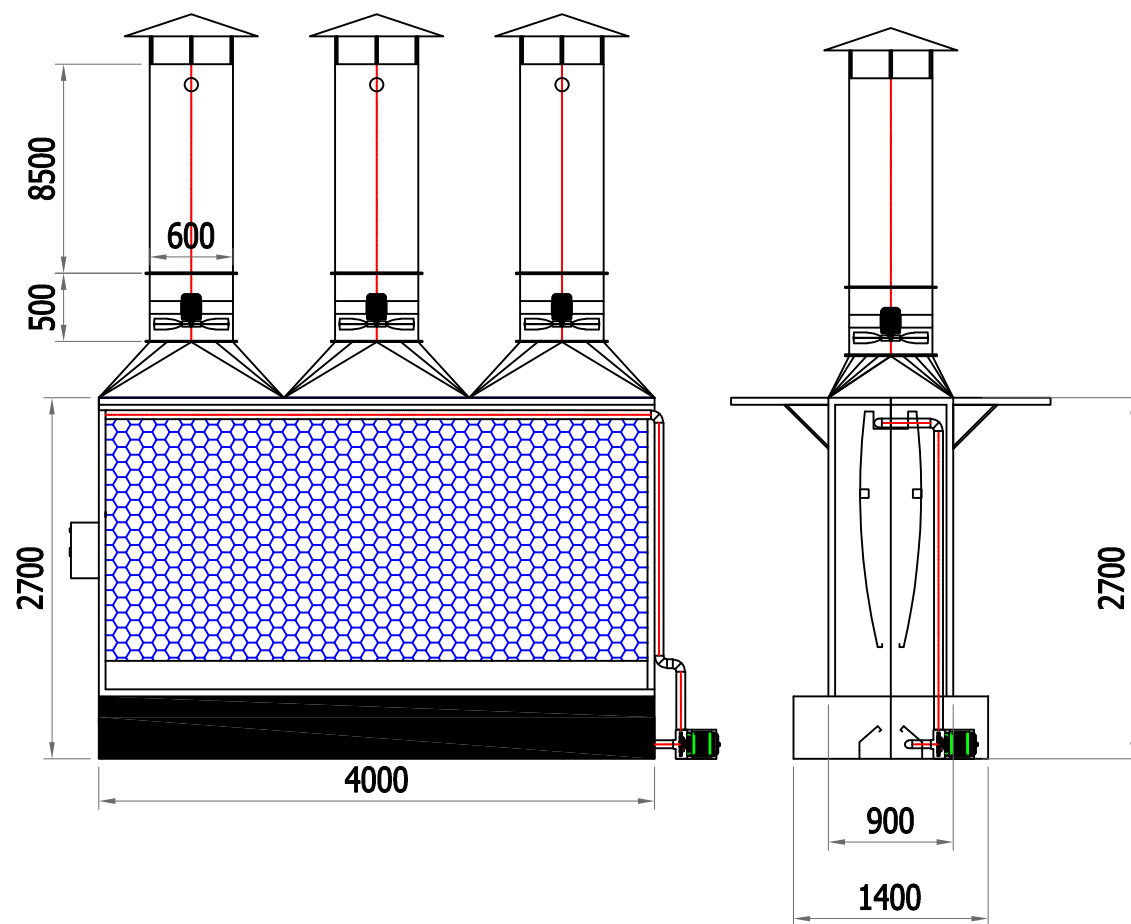
DESIGNED-BY : BUI THANH PHONG

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH HƯNG THỊNH FURNITURE

SỐ BẢN VẼ : 196890

DATE : 15/11/2024

TỈ LỆ : 1 : 1



CÔNG TY TNHH SXTM CƠ ĐIỆN BÙI GIA PHÁT

Địa chỉ : Tổ 1 KP. Khánh Tân, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0978558055/0937806055

Email : ctbuigiaphat@gmail.com

CHECKED-BY : BÙI THANH THƠM

DESIGNED-BY : BÙI THANH PHONG

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH HƯNG THỊNH FURNITURE

SỐ BẢN VẼ : 196800

DATE : 15/11/2024

TỈ LỆ : 1 : 1



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

VILAS 273

Số/No: 1590.2024/QTPT

Quang Ngãi, 16/06/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH

- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.165/2/1	X: 1518832 Y: 596542	13/06/2024	Khu vực phía Đông Bắc Cty TNHH MTV Sáng tạo Á Châu Quy Nhơn (Trước đây là Công ty TNHH TM & DV Mỹ Đức) - KCN Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
KX.165/2/2	X: 1518393 Y: 596424	13/06/2024	Khu vực phía Đông Bắc Chi nhánh Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture (Trước đây là Công ty TNHH SX - TM Khánh Phương) - KCN Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử

- Ngày thí nghiệm/Testing date : 13/06/2024 - 16/06/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results		Ghi chú Note
				KX.165/2/1	KX.165/2/2	
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH					
1 ^(a)	Nhiệt độ-HT	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	31	32	
2 ^(a)	Độ ẩm-HT	QCVN 46:2022/BTNMT	% RH	64	64	
3 ^{(a)(n)}	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm³	128	76	
4 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm³	6630	6402	
5 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm³	68	64	
6 ⁽ⁿ⁾	Nitơ đioxit (NO₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm³	65	63	
7 ⁽ⁿ⁾	Amoniac (NH₃)	TCVN 5293:1995	µg/Nm³	<48 (LOD=48)	<48 (LOD=48)	
8 ⁽ⁿ⁾	Hydro sunfua (H₂S)	MASA 701	µg/Nm³	<4,0 (LOD=4,0)	<4,0 (LOD=4,0)	
II	TIẾNG ÒN					
9 ^{(a)(n)}	Mức âm (Leq)-HT	TCVN 7878-2:2018	dBA	66	60	

Ghi chú/Note:

Dấu ^(a): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign ^(a): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu ⁽ⁿ⁾: Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign ⁽ⁿ⁾: Recognized by VIMCERTS certificate

HT: phòng thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location

LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection



KT. GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PE. Director/Vice Director





VIMCERTS 029

TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255) 3610704 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TDL; ISO 9001

BM10/EMC-QuT.17.19.08.2019.LBH05



Số/No: 3635.2024/QTPT

PHIẾU THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Quang Ngãi, 05/12/2024



- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH
- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh

Kí hiệu/Sign	Toạ độ/ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.333/5/1	X: 1518832 Y: 596542	28/11/2024	Khu vực phía Đông Bắc Cty TNHH MTV Sáng tạo Á Châu Quy Nhơn (Trước đây là Công ty TNHH TM & DV Mỹ Đức) - KCN Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
KX.333/5/2	X: 1518393 Y: 596424	28/11/2024	Khu vực phía Đông Bắc Chi nhánh Công ty TNHH Hưng Thịnh Furniture (Trước đây là Công ty TNHH SX - TM Khánh Phương) - KCN Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử

- Ngày thí nghiệm/Testing date : 28/11 - 01/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULTS

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results		Ghi chú Note
				KX.333/5/1	KX.333/5/2	
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH					
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	27	27	
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	% RH	82	81	
3	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm³	61	57	
4	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm³	60	55	
5	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm³	6243	6066	
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm³	128	120	
7	Amoniac (NH ₃)	TCVN 5293:1995	µg/Nm³	KPH (LOD=48)	KPH (LOD=48)	
8	Hydro sunfua (H ₂ S)		µg/Nm³	KPH (LOD=4,0)	KPH (LOD=4,0)	
II	TIẾNG ÒN					
9	Mức âm (Leq)	TCVN 7878-2:2018	dBA	64	57	

Ghi chú/Note:

KPH: Không phát hiện / KPH: Not detected

LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection

KT.TRƯỞNG PHÒNG/P.TRƯỞNG PHÒNG
PP. Manager/Vice Manager

Đồng Trọng Chí

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director

Đỗ Tiến Lợi